



TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
LIÊN HỢP QUỐC



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI VIỆT NAM HIỆN TRẠNG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ XUNG QUANH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP LỰA CHỌN TẠI NINH BÌNH, ĐÀ NẴNG VÀ CẦN THƠ



MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI CẢM ƠN | V |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT | VI |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH PHÚ VÀ GIÁN KHẨU – TỈNH NINH BÌNH | 2 |
| 1.1. Tổng quan về các hoạt động công nghiệp tại Ninh Bình | 2 |
| 1.2. KCN Khánh Phú | 3 |
| 1.2.1. Giới thiệu chung | 3 |
| 1.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ KCN Khánh Phú đến cộng đồng dân cư | 4 |
| 1.3. KCN Gián Khẩu | 6 |
| 1.3.1. Giới thiệu chung | 6 |
| 1.3.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ KCN Gián Khẩu đến cộng đồng xung quanh | 6 |
| 1.4. Nhận thức và nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng dân cư và các bên liên quan ở 2 KCN Khánh Phú và Gián Khẩu – Ninh Bình | 9 |
| 1.4.1. Đánh giá nhận thức về các vấn đề liên quan SCMT&TT tại địa phương | 9 |
| 1.4.2. Đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan | 12 |
| 2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KCN HOÀ KHÁNH – ĐÀ NẴNG | 16 |
| 2.1. Tổng quan về các hoạt động công nghiệp tại Đà Nẵng | 16 |
| 2.2. KCN Hoà Khánh | 17 |
| 2.2.1. Giới thiệu chung | 17 |
| 2.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ DN đến các khu dân cư | 18 |
| 2.3. Nhận thức và nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng dân cư và các bên liên quan | 21 |
| 2.3.1. Đánh giá nhận thức về các vấn đề liên quan đến SCMT&TT tại địa phương | 21 |
| 2.3.2. Đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan | 23 |
| 3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KCN TRÀ NÓC 1&2 – CẦN THƠ | 26 |
| 3.1. Tổng quan về các hoạt động công nghiệp tại Cần Thơ | 26 |
| 3.2. KCN Trà Nóc 1&2 | 27 |
| 3.2.1. Vị trí địa lý và sơ đồ bố trí dân cư xung quanh KCN | 27 |
| 3.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn đến các khu dân cư | 28 |
| 3.3. Đánh giá nhận thức và nhu cầu tăng cường năng lực của cộng đồng và các bên liên quan | 31 |
| 3.3.1. Nhận thức về các vấn đề liên quan đến SCMT&TT tại địa phương | 31 |
| 3.3.2. Đánh giá nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan | 34 |

| | |
|--|-----------|
| KẾT LUẬN | 37 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 38 |
| PHỤ LỤC A: CÁC MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA | 39 |

LỜI CẢM ƠN

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các thành viên của Ban quản lý dự án “Triển khai sáng kiến KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam” đã hỗ trợ trong suốt quá trình liên hệ, cung cấp thông tin và tổ chức các buổi phỏng vấn đến các bên liên quan. Cùng với đó, xin cảm ơn chính quyền đoàn thể địa phương, các cơ quan quản lý môi trường địa phương, các công ty cung cấp hạ tầng, ban quản lý các khu chế xuất và KCN; và các hộ dân đến từ 4 KCN Gián Khẩu, Khánh Phú, Hoà Khánh và Trà Nóc ở 3 tỉnh thành phố Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ. Báo cáo này sẽ không thể hoàn thành tốt nếu không có sự hỗ trợ cung cấp thông tin và dữ liệu từ tất cả các bên có liên quan.



**TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---------------|---|
| BQL | Ban quản lý |
| BVMT | Bảo vệ môi trường |
| CĐXQ | Cộng đồng xung quanh |
| ĐT PTCST&CCDV | Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ |
| KCN | Khu công nghiệp |
| MPI | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| SCMT&TT | Sự cố môi trường và thiên tai |

MỞ ĐẦU

Nằm trong khuôn khổ tiểu dự án “Xây dựng năng lực trong cộng đồng để ứng phó với sự cố môi trường và thiên tai từ các khu công nghiệp” thuộc dự án “Triển khai sáng kiến khu công nghiệp sinh thái hướng tới mô hình khu công nghiệp bền vững tại Việt Nam” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) thực hiện tại 3 tỉnh thành phố Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ trong khoảng thời gian từ 24 tháng 10 đến 6 tháng 11 năm 2018. Nhóm chuyên gia tư vấn đã thực hiện quá trình khảo sát đánh giá hiện trạng cộng đồng dân cư xung quanh tại 4 khu công nghiệp (KCN) Gián Khẩu, Khánh Phú, Hoà Khánh và Trà Nóc về các vấn đề liên quan đến nhận thức của cộng đồng và các bên liên quan, các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai có thể xảy ra tại các KCN này. Báo cáo cũng xác định khoảng tỷ lệ dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng lớn nhất khi có các sự cố môi trường và thiên tai xảy ra tại 4 KCN ở 3 tỉnh thành phố.

Bằng phương pháp khảo sát, điều tra, phỏng vấn trực tiếp tại hiện trường và các đối tượng có liên quan, nhóm chuyên gia tư vấn đã tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu thu thập được từ các bên có liên quan. Sử dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam cùng với các thông tin dữ liệu thu được và áp dụng một số kỹ thuật chập bản đồ, dự tính và ước lượng để tính toán tỷ lệ phần trăm số lượng người có khả năng cao nhất bị tổn thương được đánh giá trong báo cáo này.

1. 1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH PHÚ VÀ GIÁN KHẤU – TỈNH NINH BÌNH

1.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP TẠI NINH BÌNH

Theo Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp (KCN) Việt Nam đến năm 2020, tỉnh Ninh Bình có 07 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập trong đó có 05 KCN đã đi vào hoạt động gồm có: KCN Gián Khẩu, KCN Tam Điệp, KCN sạch Phúc Sơn và KCN Khánh Phú, KCN Khánh Cư. Các KCN chưa đi vào hoạt động gồm KCN Tam Điệp II và KCN Kim Sơn. Tổng diện tích các KCN là 1.472 ha nằm trên các huyện Gia Viễn, huyện Yên Khánh, thành phố Tam Điệp và thành phố Ninh Bình.

Tỷ lệ lấp đầy tại các KCN Khánh Phú, Gián Khẩu, Tam Điệp I, đạt 100%; KCN Khánh Cư, KCN Phúc Sơn và KCN Tam Điệp II đang tiếp tục san lấp mặt bằng, thu hút đầu tư, riêng KCN Kim Sơn chưa có trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016-2020).

Tổng số lao động trên địa phương là khoảng 37.400 lao động với số lao động ngoại tỉnh là 3.400 người, đa phần ở các địa phương lân cận Ninh Bình như Nam Định, Thanh Hoá,...

Các loại hình sản xuất chính trong các KCN tại địa phương là: vật liệu xây dựng, cơ khí và chế tạo kim loại, sản xuất ô tô, năng lượng, điện tử, phân bón, dệt may, sản xuất nhựa/cao su, ắc quy, chế biến thực phẩm, hoá mỹ phẩm,...

Về khí hậu: Ninh Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc tiểu khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam, Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 137mm, nhiệt độ trung bình từ 22,80C đến 23,90C, độ ẩm trung bình từ 82% đến 85%.

1.2. KCN KHÁNH PHÚ

1.2.1. Giới thiệu chung

Việc đầu tư xây dựng KCN Khánh Phú là một trong những dự án nằm trong chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá nền kinh tế của tỉnh Ninh Bình. Sau khi KCN đi vào hoạt động, hàng năm sẽ cung cấp cho xã hội các sản phẩm từ lắp ráp điện tử, cơ khí lắp máy, phân bón,... tạo điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh và của toàn khu vực.

KCN Khánh Phú được thành lập theo Quyết định số 1687/QĐ-UB ngày 20/7/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích quy hoạch là 351,07 ha; diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 231,54 ha; đã cho thuê là 231,54 ha; tỷ lệ lấp đầy đạt 100%.

Vị trí địa lý

Nằm trên địa phận 2 xã Khánh Phú (huyện Yên Khánh) và Ninh Phúc (thành phố Ninh Bình), cạnh Quốc lộ 10, cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 7 km. Phần lớn diện tích KCN ráp với sông Đáy, phía bên kia sông Đáy là địa bàn thành phố Nam Định.

Về cơ sở hạ tầng

Do Công ty Phát triển hạ tầng KCN làm chủ đầu tư. Các hạng mục cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc do Công ty TNHH MTV điện lực Ninh Bình, Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Ninh Bình và Công ty Viễn thông Ninh Bình đầu tư và khai thác.

Hiện nay, KCN Khánh Phú đã xây dựng xong hệ thống đường giao thông chính, hệ thống thu thoát nước mưa, thu gom nước thải và đường ngoài KCN; các hạng mục khác như: vỉa hè, điện chiếu sáng, trồng cây xanh,.. đang tiếp tục được triển khai và hoàn thiện.

Về thu hút đầu tư

có 39 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư; trong đó có một số dự án lớn như Nhà máy Đạm Ninh Bình công suất 1.760 tấn/ngày, Nhà máy may NienHsing công suất 24 triệu sản phẩm/năm, Nhà máy kính Tràng An công suất 300 tấn/ngày...; có 09 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, tổng mức đầu tư lên tới 5.756,5 tỷ đồng, tương đương 295 triệu USD.

Về dân cư xung quanh KCN Khánh Phú

KCN ráp với 8 thôn của xã Khánh Phú với tổng số khẩu là 6.283 người, trong đó có thôn Phú Hào nằm cách biệt với các khu dân cư khác, kẹp giữa KCN và Sông Đáy về phía Tây Bắc. Tỷ lệ nữ dân cư tại xã Khánh Phú chiếm 48,6%.

1.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ KCN Khánh Phú đến cộng đồng dân cư

Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD quy định vị trí các cơ sở công nghiệp so với khu dân cư phải tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN/4449/1987 “Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế”. Theo danh mục các loại hình công nghiệp phân loại theo cấp độ độc hại được quy định rõ trong Phụ lục 3 của TCVN/4449/1987 đưa ra thì chiều rộng dải cách ly an toàn từ doanh nghiệp, xí nghiệp đến khu dân cư cụ thể như sau:

- Loại xí nghiệp độc hại cấp I: nhỏ nhất là 1000m;
- Loại xí nghiệp độc hại cấp II: nhỏ nhất là 500m;
- Loại xí nghiệp độc hại cấp III: nhỏ nhất là 300m;
- Loại xí nghiệp độc hại cấp IV: nhỏ nhất là 100m;
- Loại xí nghiệp độc hại cấp V: nhỏ nhất là 50m;

Đây cũng chính là căn cứ để thực hiện việc phân loại các ngành nghề và mức độ độc hại cũng như dải cách ly an toàn từ doanh nghiệp, xí nghiệp đến khu dân cư ở các KCN trong báo cáo này.

Theo dữ liệu được cung cấp và phân loại loại hình doanh nghiệp tại KCN Khánh Phú như biểu đồ 1 dưới đây cho thấy nhóm ngành nghề nhiều nhất tại KCN Khánh Phú là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Cơ khí – đóng tàu – lắp ráp (chiếm khoảng 25,6%), có công ty TNHH Chang Xin Việt Nam sản xuất kim loại và phôi kim loại thuộc phân loại cấp 2.

Nhóm ngành nghề lớn thứ 2 là thương mại và dịch vụ với tỷ lệ 20,5%, tiếp đến là nhóm hoá chất – khí chiếm 17,9% trong đó có công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình thuộc phân loại cấp 1 cần giải cách ly vệ sinh an toàn từ 1.000m, công ty cổ phần Bình Điền- Ninh Bình sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ nằm trong phân loại cấp 2 cần giải cách ly vệ sinh an toàn từ 500m trở lên. Ngành may mặc và vật liệu xây dựng chiếm tỷ lệ 12,8%, trong đó có công ty TNHH may Niên Hsing Ninh Bình thuộc phân loại cấp 2 và nhà máy kính nổi Tràng An có công suất khí thải lên tới 15.000m³/h và chiều cao ống khói là 64m

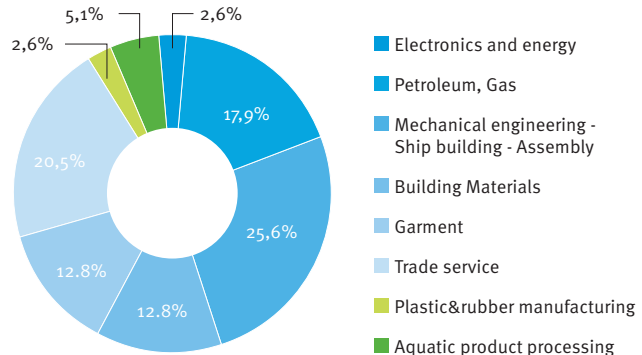


Hình 1: Ống khói Công ty Kính nổi Tràng An

Bên cạnh đó thông qua việc phân loại các ngành nghề và cấp độ độc hại của các doanh nghiệp tại KCN Khánh Phú và bỏ qua các ảnh hưởng do dòng chảy, hướng gió, vận tốc gió,...., kết hợp với thực tế khảo

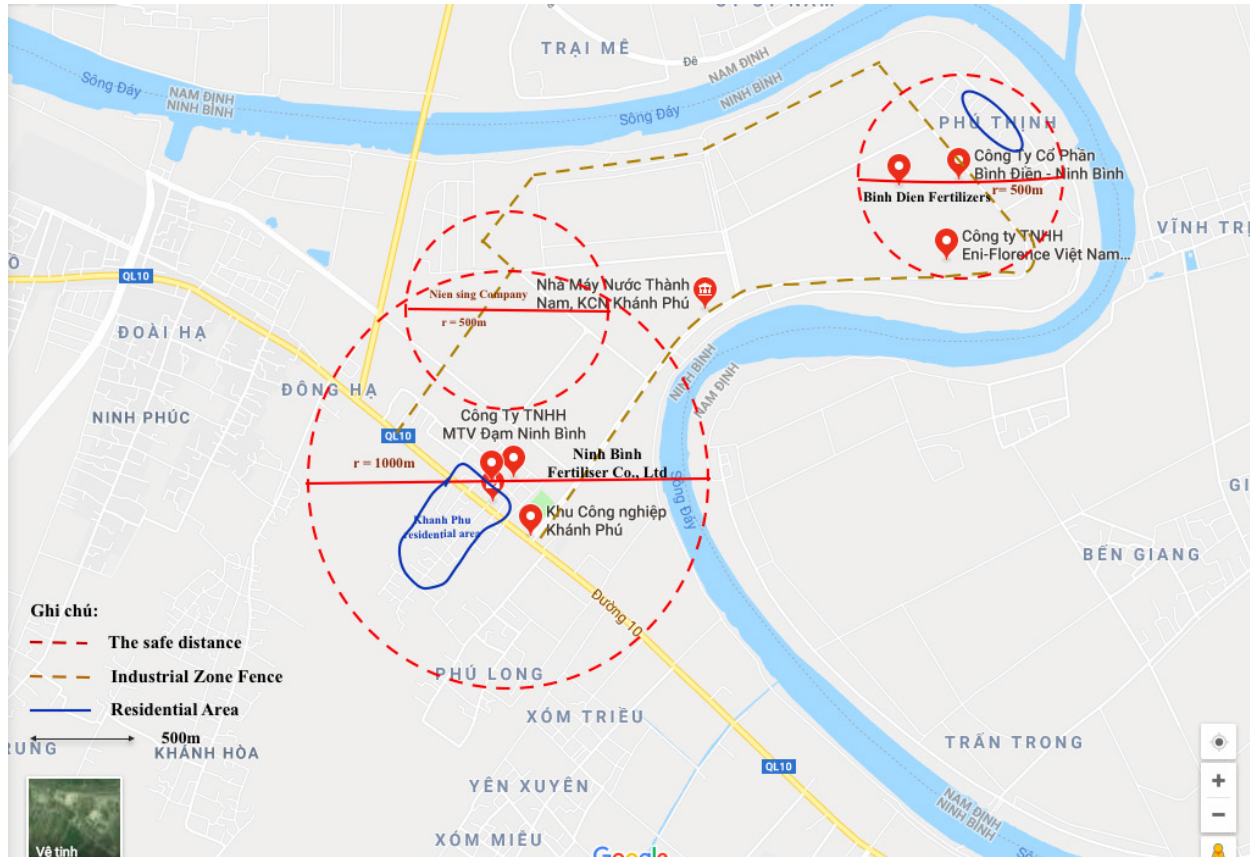
sát và khoanh vùng cách ly an toàn ở một số nhà máy có nguy cơ cao thuộc KCN Khánh Phú, một cách cơ học có thể xác định một số nhóm dân cư có nguy cơ chịu tác động lớn nhất như bản đồ số 1 dưới đây: chỉ với việc khoanh vùng một số nhà máy thì toàn bộ khu dân cư (được khoanh vùng màu xanh) nằm trọn trong các vòng tròn màu đỏ là các vùng cách ly tối thiểu để đảm bảo an toàn theo cấp độ phân loại độc hại của các doanh nghiệp.

Biểu đồ 1: Phân loại ngành nghề tại KCN Khánh Phú



Bản đồ 1: Dải cách ly an toàn từ một số nhà máy

đến các khu vực dân cư xung quanh KCN Khánh Phú



Nhận xét: Như vậy toàn bộ 8 thôn Phú Sơn, Phú Cường, Phú Bình, Phú Long, Phú An, Phú Tân, Phú Hải, Phú Hào của xã Khánh Phú đều có nguy cơ cao bị ảnh hưởng khi có các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) xảy ra. Theo số liệu gần nhất từ Ban chỉ đạo tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy

sản trung ương thì tổng số nhân khẩu tại 8 thôn là 6.283 người, và 100% các khẩu này nằm trong vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng lớn khi có SCMT&TT xảy ra.

1.3. KCN GIÁN KHẨU

1.3.1. Giới thiệu chung

KCN Gián Khẩu được thành lập theo Quyết định số 1262/QĐ-UB ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình với tổng diện tích quy hoạch 162,1 ha; diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê 129,58 ha và tỷ lệ lấp đầy đạt 100%.

Vị trí địa lý

Nằm trên địa phận 3 xã Gia Tân, Gia Xuân và Gia Trấn (huyện Gia Viễn), nằm cạnh Quốc lộ 1, cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 10 km.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Đã cơ bản xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động có hiệu quả; trong đó hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc và cây xanh cơ bản đã được hoàn thành; trạm xử lý nước thải tập trung đang trong quá trình hoàn thiện.

Về thu hút đầu tư

Có 29 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư; trong đó có một số dự án lớn như: Nhà máy xi măng The Vissai 2,7 triệu tấn/năm, Nhà máy sản xuất ô tô Thành Công với công suất 13.000 xe/năm, Nhà máy may Đài Loan, Nhà máy gỗ Tài Anh,...; có 06 dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Tổng mức đầu tư 4.169,305 tỷ đồng, tương đương 216,043 triệu USD.

Về khu vực dân cư xung quanh KCN

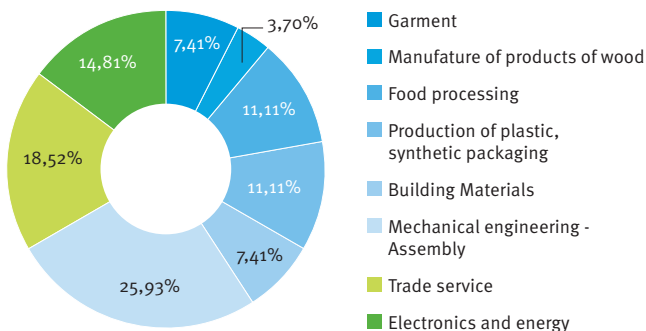
Mặc dù nằm trên địa bàn 3 xã nhưng chỉ có khu dân cư Mưỡu giáp 1,2,3 thuộc xã Gia Xuân (tổng số khẩu của xã Gia Xuân là 4614 người và tỷ lệ nữ chiếm 49,32%), khu dân cư thôn Vũ Đại của xã Gia Tân và khu dân cư Thiện Hội cùng một số hộ dân trên trục đường 447 là gần với KCN nhất.

1.3.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ KCN Gián Khẩu đến cộng đồng xung quanh

Tại KCN Gián Khẩu trong biểu đồ số 2, ngành nghề chiếm tỷ lệ cao nhất là cơ khí, lắp ráp với tổng số 7 doanh nghiệp/27 doanh nghiệp trong đó Công ty cổ phần sản xuất Ô ô Huyndai Thành Công Việt Nam là đại diện lớn nhất trong số các đơn vị về cả số lượng lao động lớn và công suất 13.000 xe/năm thuộc nhóm ngành này, bên cạnh đó có nhà máy cơ khí Nam Thành với công suất 4.000 tấn/năm. Tiếp theo chiếm 18,5% là nhóm ngành thương mại dịch vụ. Ngành năng lượng điện tử chiếm 14,81% với 2 công ty lớn là TNHH YG Vina và công ty TNHH Sil Rang Eletronics Việt Nam chủ yếu là gia công linh kiện, phụ kiện cho điện thoại di động và máy tính bảng. 2 nhóm ngành chế biến lương thực, thực phẩm và sản xuất nhựa bao bì tổng hợp chiếm 11,11% mỗi ngành, nổi bật lên là công ty TNHH Thái Bình Dương chuyên sản xuất mỳ ăn liền với công suất 15 tấn mì/ngày và 12 tấn bao bì carton/ngày. Ngành vật liệu

xây dựng chỉ chiếm 7,41%, với 2 doanh nghiệp đều thuộc 2 nhà máy với 2 dây chuyền của công ty Cổ phần Vissai Ninh Bình. Tổng sản lượng Clinker một ngày cho cả 2 dây chuyền là 7.500 tấn/ngày, đây là một trong những doanh nghiệp được phân loại cấp 1 và có nhiều nguy cơ gây tác động lớn đến cộng đồng dân cư trong hiện tại và khi có các SCMT&TT xảy ra. Còn lại là một số công ty may mặc và chế biến gỗ lâm sản chiếm tỷ lệ lần lượt là 7,41% và 3,7%.

Biểu đồ 2: Phân loại ngành nghề tại KCN Gián Khẩu – Ninh Bình



Dựa trên việc phân tích tác động lớn nhất từ Tập Đoàn Xi Măng The Vissai Ninh Bình bằng vòng tròn đổ bán kính 1000m từ tâm của nhà máy. Bên cạnh đó, nhóm tư vấn thực hiện vẽ đường khoảng cách an toàn 100m kể từ hàng rào của KCN áp dụng cho các doanh nghiệp cấp 4 cấp 5 tập trung ở phía Tây-Nam KCN. Qua bản đồ số 2 dưới đây cho thấy:

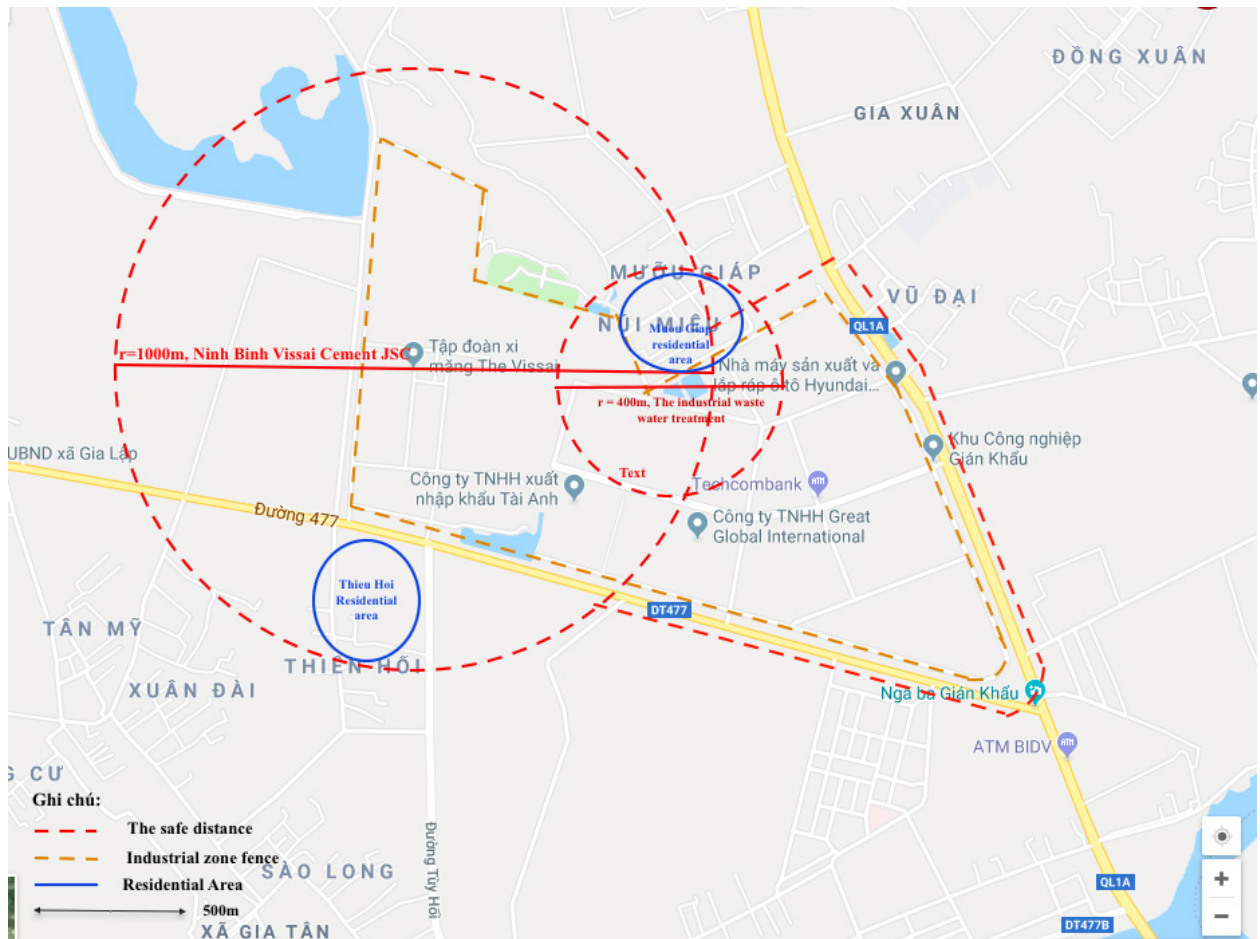
- Toàn bộ khu vực dân cư của thôn Mưỡu Giáp, xã Gia Xuân, nằm ngay sát tường rào KCN, gần nhà máy xử lý nước thải của KCN có khả năng bị ảnh hưởng lớn nhất khi có SCMT&TT xảy ra. Thực tế khảo sát cũng cho thấy ngay sát tường rào khu dân cư là các hộ dân nằm cạnh bể lắng nước thải đầu tiên của nhà máy xử lý. Dân cư thuộc khu vực này cũng có những phản ánh về các vấn đề gây ô nhiễm không khí. Như vậy 3 thôn Mưỡu Giáp 1,2,3 với tổng số hộ là 603 hộ với tổng số khẩu là 2.007 khẩu (Chiếm 42,4% tổng số hộ và 43,5% tổng số khẩu toàn bộ xã Gia Xuân)

Hình 2: Khu dân cư thôn Mưỡu Giáp nằm cạnh rào bể gom nước thải nhà máy



- Bên cạnh đó khu dân cư của thôn Thiện Hối (305 hộ với 754 khẩu) chiếm khoảng 10,4% tổng số hộ thuộc Xã Gia Tân cũng nằm trọn trong vùng bị ảnh hưởng.
 - Các khu dân cư ở dọc đường quốc lộ 1A thuộc thôn Vũ Đại xã Gia Xuân bao gồm 191 hộ và 574 khẩu và cùng với những khu dân cư dọc đường 447 sẽ có nguy cơ bị tác động khi có SCMT&TT xảy ra.
- Nhận xét: Như vậy tổng số hộ dân có thể có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có các SCMT&TT xảy ra do KCN Gián Khẩu là khoảng 794 hộ chiếm 55,8% tổng số hộ thuộc xã Gia Xuân. Và khoảng 305 hộ chiếm khoảng 10,4% tổng số hộ dân trên địa bàn xã Gia Tân.

Bản đồ 2: Dải cách ly an toàn từ một số nhà máy đến các khu vực dân cư xung quanh KCN Gián Khẩu



1.4. NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN Ở 2 KCN KHÁNH PHÚ VÀ GIÁN KHẨU – NINH BÌNH

1.4.1. Đánh giá nhận thức về các vấn đề liên quan SCMT&TT tại địa phương

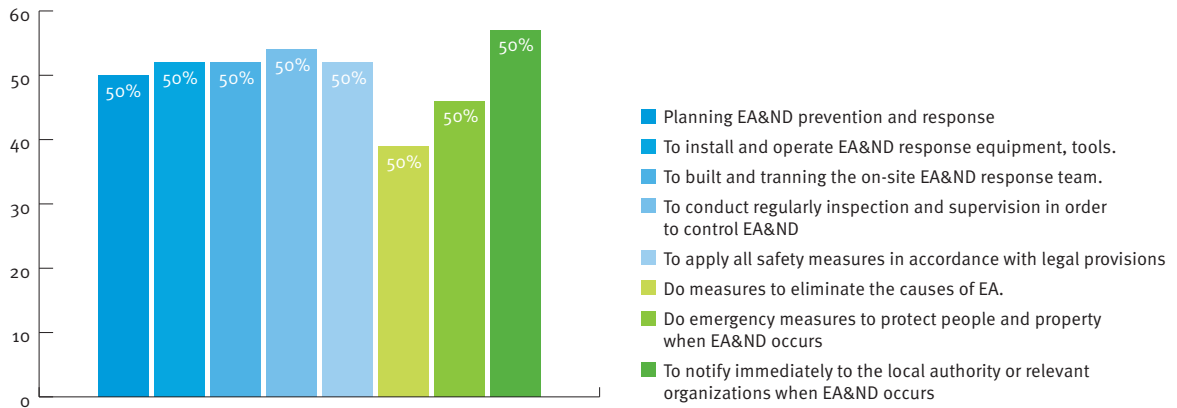
Tổng số người tham gia trả lời phỏng vấn ở 6 nhóm đối tượng tại 2 KCN Khánh Phú và Gián Khẩu là 128 người trong đó tỷ lệ nữ tham gia phỏng vấn là 49 người, chiếm 38,3%.

Nhóm cộng đồng dân cư xung quanh

Có 37/54 người tham gia trả lời phỏng vấn (chiếm 68,5%) trả lời rằng họ có biết các trách nhiệm pháp lý mà các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, phương tiện vận tải buộc phải thực hiện để bảo vệ cộng đồng và phòng tránh các rủi ro xảy ra do SCMT&TT xảy ra. Trong các trách nhiệm này, 57,4% người dân – là tỷ lệ lớn nhất – cho biết việc thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn liên quan ngay khi xảy ra sự cố môi trường (SCMT) là trách nhiệm pháp lý cần phải thực hiện bởi các bên có liên quan (BQL KCN, chủ đầu tư và các doanh nghiệp).

Bên cạnh đó một số trách nhiệm pháp lý khác đều được trên 50% người dân lựa chọn như: Đào tạo, huấn luyện và xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó với các sự cố môi trường; Áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật hay lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT; Thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi SCMT&TT xảy ra; Lắp đặt, vận hành các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường,... Duy nhất có nội dung “các bên có liên quan cần có các biện pháp loại trừ các nguyên nhân gây ra sự cố” là có tỷ lệ 38,9% cũng là tỷ lệ thấp nhất. Việc “thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi xảy ra sự cố” chiếm 46,3% số người trả lời.

Biểu đồ 3: Ý kiến của cộng đồng dân cư về trách nhiệm pháp lý mà chủ đầu tư, ban QL KCN và doanh nghiệp phải thực hiện tại Ninh Bình



Nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương

Qua phiếu điều tra khảo sát thì có 48% số cán bộ đại diện chính quyền đoàn thể địa phương (24/50 người tham gia khảo sát) tại 2 xã Khánh Phú và Gián Khẩu – Ninh Bình trả lời đã có chiến lược và kế hoạch, biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT, 38% trả lời chưa có và 14% trả lời không biết. Cũng theo kết quả phỏng vấn sâu trực tiếp thì tất cả các địa phương chỉ có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với thiên tai hàng năm, nội dung SCMT được lồng ghép trong đó.

Trên 50% các ý kiến từ phía chính quyền và đoàn thể địa phương cho rằng chưa thực hiện các chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với các khoản đóng góp cho phòng ngừa với các SCMT&TT; chưa tổ chức diễn tập phòng ngừa với các SCMT&TT; chưa lập phương án sẵn sàng ứng phó SCMT&TT tại địa phương; chưa thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại do SCMT&TT gây ra. Các ý kiến cho rằng đã thực hiện các hoạt động trên nằm trong khoảng từ 4-18% số lượng người trả lời.

Nhóm các cơ quan quản lý môi trường địa phương

Cơ quan quản lý môi trường địa phương chỉ phối hợp khi có yêu cầu để đi kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN; có lập phương án sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT hay tổ chức diễn tập phòng ngừa (chủ yếu là các hoạt động liên quan đến phòng chống và ứng phó với thiên tai và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn)

Nhóm ban quản lý KCN

Nhóm ban quản lý KCN Ninh Bình cho biết trong địa bàn chưa có doanh nghiệp, các KCN và công ty đầu tư phát triển hạ tầng thực hiện lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT, chỉ

có kế hoạch phòng cháy chữa cháy, tập huấn và diễn tập ứng phó cho KCN, các đơn vị đầu tư phát triển hạ tầng và các doanh nghiệp; Do vậy các hoạt động khác liên quan đến nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT chưa được thực hiện một cách rõ ràng, chủ yếu là lồng ghép vào các kế hoạch, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố hoá chất, phòng cháy chữa cháy và thiên tai riêng lẻ.

Nhóm các công ty đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ (ĐT PTCSTT & CCDV)

3 đại diện của các công ty ĐT PTCSTT&CCDV tăng của KCN cho biết đơn vị đã thực hiện lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện sẵn sàng ứng phó (các thiết bị PCCC và bão lụt); đã thực hiện đào tạo và huấn luyện trong phạm vi nhà máy, và tham gia diễn tập về phòng ngừa và ứng phó cho các đối tượng là lực lượng tại chỗ để ứng phó sự cố môi trường (huấn luyện chung và riêng trong các doanh nghiệp về phòng cháy chữa cháy)

Nhóm các doanh nghiệp thuộc KCN

Về nhận thức về các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến SCMT&TT được thực hiện với 19 doanh nghiệp trên cả 2 KCN Khánh Phú và Gián Khẩu:

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, có 57,9% số người đại diện cho doanh nghiệp trả lời có biết các văn bản pháp luật có liên quan đến SCTMTT&TT, cụ thể như: Luật BVMT 2005, Luật BVMT 2014, Luật Bảo vệ môi trường 55/2019/QH13, Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007 thông tư số 28/2010/TT- BCT, Thông tư 31/2016/TT- BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Luật phòng chống thiên tai năm 2013, NĐ66/2014-CP Hướng dẫn Luật PCTT “Pháp lệnh phòng chống lụt bão năm 2014”; Luật ATVSLĐ điều 78; Luật Bảo vệ môi trường điều 109; NĐ 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 Quy định tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Và có 36,8% trả lời không biết.

Về các giải pháp phòng ngừa giảm thiểu tác hại và gián đoạn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do các SCMT&TT kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy:

- 100% các doanh nghiệp tham gia điều tra đều có thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên;
- 94,7% các doanh nghiệp có lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó;
- 89,5% các doanh nghiệp có tiến hành cải tiến quy trình công nghệ, kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ gây ra các SCMT&TT; và đào tạo, huấn luyện và xây dựng lực lượng tại chỗ để ứng phó với các SCMT&TT;
- 63,2% tham gia đầy đủ vào các chương trình, thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; tập huấn, diễn tập phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và địa phương;
- 84,2% các doanh nghiệp trả lời rằng có xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó cũng như các phương án sản xuất kinh doanh dự phòng.

1.4.2. Đánh giá về nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan.

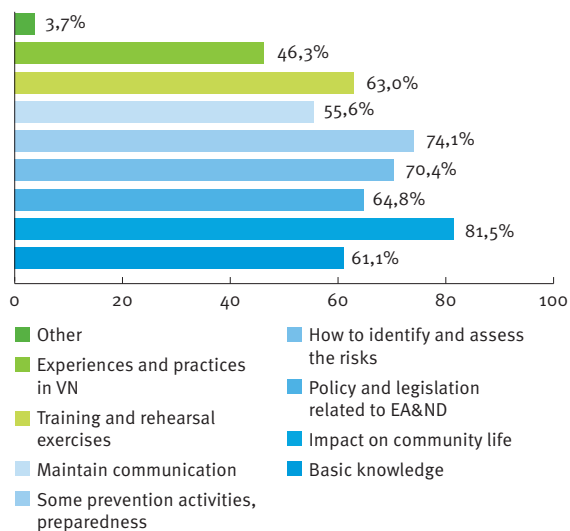
Tổng số người tham gia phỏng vấn ở trong và xung quanh 2 khu công nghiệp Gián Khẩu và Khánh Phú là 128 người. Trong đó tổng số nữ tham gia trả lời phỏng vấn là 49 người, chiếm tỷ lệ 38,3%.

Cộng đồng dân cư xung quanh 2 KCN Gián Khẩu và Khánh Phú

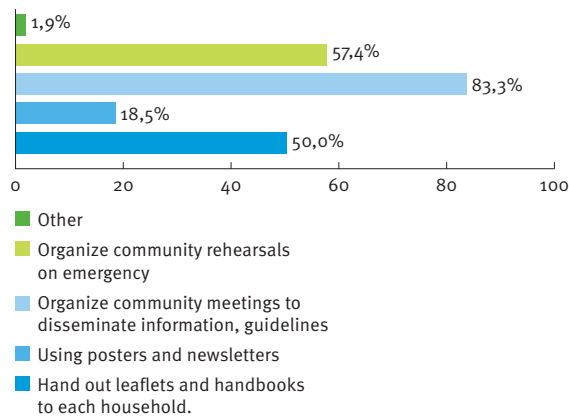
Dựa vào kết quả điều tra hơn 50 người dân thuộc các vùng xung quanh KCN Gián Khẩu và Khánh Phú, 90,7% số người được hỏi có nhu cầu nâng cao năng lực về việc phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT. Trong đó nội dung muốn được tìm hiểu nhiều nhất là các tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư với 81,5%; tiếp đến là các hoạt động phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó chiếm 74,1%; cách nhận diện và đánh giá rủi ro 70,4%; huấn luyện và diễn tập thử chiếm 63%; các chính sách pháp luật là 64,8%. Ít nhất là những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam chiếm 46,3% và cách duy trì thông tin liên lạc chiếm 55,6%.

Cùng với đó hình thức tuyên truyền được nhiều người dân lựa chọn nhất là tổ chức các buổi họp cộng đồng, chiếm 83,3%; tổ chức các buổi diễn tập và huấn luyện chiếm 57,4%; phát tờ rơi, cắm nang hướng dẫn đến từng hộ gia đình chiếm 50,0% và ít nhất là dán áp phích, pano cố định tại địa phương chỉ chiếm 18,5%. Các hình thức khác có 1,9% lựa chọn nhưng không đưa ra hình thức cụ thể.

Biểu đồ 4: Nhu cầu tăng cường năng lực của CĐXQ KCN - Ninh Bình



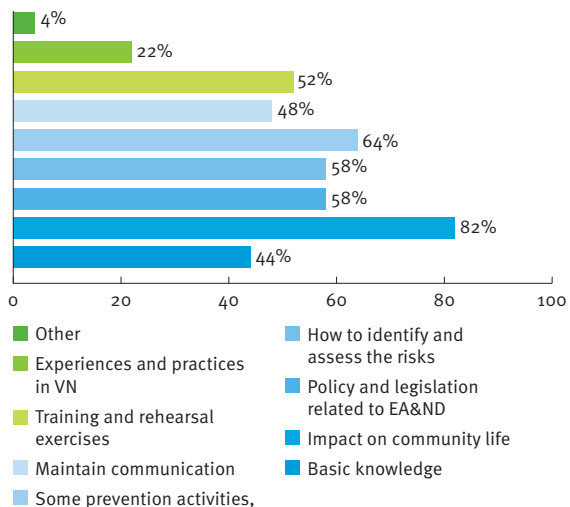
Biểu đồ 5: Phương pháp tuyên truyền mà CĐXQ KCN - Ninh Bình lựa chọn



Cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương tại Ninh Bình

Có 16% số người đại diện cho các cơ quan chính quyền đoàn thể địa phương trả lời đã từng tham gia vào các buổi tập huấn liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT, 78% số người trả lời không. Ở câu hỏi tiếp theo, thì có đến 96% số lượng người trả lời là có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, chương trình truyền thông để tăng cường năng lực bản thân trong thời gian tới. Các nội dung cụ thể được thống kê trong biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 6: Nội dung muốn được nâng cao năng lực của cơ quan chính quyền và đoàn thể địa phương – Ninh Bình



Theo biểu đồ cho thấy có nhiều nhất 82% người trả lời muốn được tìm hiểu về các tác động của SCMT&TT; 64% muốn tìm hiểu về việc tư vấn hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa SCMT&TT; 58% số lượng người quan tâm đến việc tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện và các vấn đề liên quan đến chính sách và pháp luật có liên quan. Tiếp đến là huấn luyện và diễn tập thử chiếm 52%; Các khái niệm cơ bản chiếm 44%; Những kinh nghiệm thực tiễn tại Việt Nam chiếm 22% và nội dung khác chiếm 4%, nhưng không ghi cụ thể là những nội dung gì.

Nhóm cơ quan chính quyền và đoàn thể địa phương có đề xuất một số các hoạt động để khuyến khích các doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan tích cực tham gia vào các hoạt động có hiệu quả trong việc nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT như:

- Các doanh nghiệp, KCN-CCN cần hỗ trợ phí môi trường liên quan đến các xã bị ảnh hưởng.
- Nêu rõ được tác hại của SCMT&TT đến doanh nghiệp để họ có thể nắm bắt và hiểu rõ được.
- Cần nghiên cứu các phương pháp xử lý khói bụi hiệu quả hơn, hạn chế việc phát thải ra môi trường gây ảnh hưởng đến các khu dân cư và đời sống của con người.
- Đầu tư và hỗ trợ các thiết bị quan trắc môi trường để kịp thời phát hiện các SCMT&TT
- Đề nghị KCN hợp tác với địa phương tuyên truyền, giám sát chặt chẽ công tác môi trường của địa phương.
- Nên có cơ quan, cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực này, nguồn kinh phí được lấy từ quỹ phòng chống thiên tai và kinh phí nhà nước hỗ trợ.
- Cần xây dựng các phương án phòng ngừa và ứng phó các SCMT&TT, tuyên truyền và tập huấn cho các đối tượng có liên quan.

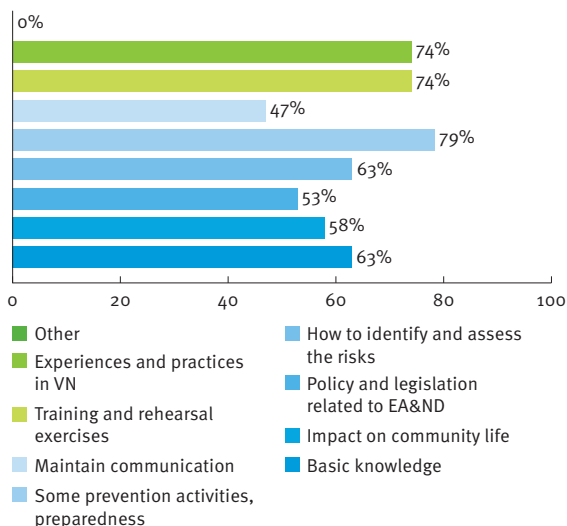
Nhóm ban quản lý KCN và các công ty đầu tư phát triển hạ tầng.

Các thành viên trong Ban quản lý KCN và công ty đầu tư phát triển hạ tầng đều sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực bản thân với 100% cho cả 8 nội dung mà phiếu điều tra đưa ra.

Nhóm các doanh nghiệp thuộc 2 KCN:

Biểu đồ 7 dưới đây cho thấy: 94,7% các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều có nhu cầu tăng cường năng lực bản thân với 78,9% lựa chọn quan tâm nhất đến các hoạt động phòng ngừa và ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra; tiếp đến là huấn luyện diễn tập và những kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam đều chiếm 73,7%; các khái niệm cơ bản và cách nhận diện đánh giá rủi ro có 63,2% lựa chọn; các tác động đến cuộc sống và cộng đồng dân cư có 57,9% câu trả lời; chính sách và pháp luật có liên quan đều chiếm 52,6% và không có các nội dung khác.

Biểu đồ 7: Nội dung nhu cầu tăng cường năng lực của các doanh nghiệp ở KCN Khánh Phú và Gián Khẩu – Ninh Bình



Nhận xét:

Có khoảng 50% số người dân thuộc các xã lân cận các KCN của tỉnh Ninh Bình có nhận thức được các vấn đề liên quan đến trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan đến nguy cơ xảy ra SCMT&TT; Chính quyền địa phương, cơ quan quản lý MT địa phương, BQL KCN, các công ty ĐT PTCST&DV và các doanh nghiệp đa phần mới chỉ có các kế hoạch liên quan đến phòng chống bạo lực, phòng cháy chữa cháy, ứng phó với các sự cố hóa chất.

Đa phần các đối tượng tham gia trả lời phỏng vấn đều sẵn lòng tham gia các buổi tập huấn, tăng cường năng lực cho bản thân về các SCMT&TT, với nội dung lớn nhất mà hầu hết các đối tượng đều quan tâm đến đó là tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng (với cộng đồng là 81,5%; chính quyền địa phương là 82%, doanh nghiệp là 57,9%). Tiếp theo là các vấn đề liên quan phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT, trong khi cộng đồng dân cư thì quan tâm đến các cách nhận diện, huấn luyện diễn tập thử và chính sách pháp luật thì chính quyền và đoàn thể địa phương, các doanh nghiệp, các công ty ĐT PTCST&DV, ban quản lý KCN lại quan tâm nhiều đến việc tư vấn xây dựng kế hoạch, các hoạt động phòng ngừa và ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KCN HOÀ KHÁNH – ĐÀ NẴNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP TẠI ĐÀ NẴNG

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng có 06 KCN tập trung, bao gồm: Hòa Khánh, Đà Nẵng, Liên Chiểu, Hòa Khánh mở rộng, Hòa Cầm và Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng. Tổng diện tích quy hoạch hiện nay là 1.066,52 ha; trong đó diện tích đất thương phẩm là 810,77 ha. Tính đến ngày 31/12/2017, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 681,1 ha, chiếm tỷ lệ 84,01%; 03 KCN đã lấp đầy; diện tích còn lại có thể cho thuê là 129,67 ha, các lô trống còn lại khá nhỏ.

Các dự án trong các KCN tại Đà Nẵng hiện nay tập trung ở 03 nhóm ngành chính bao gồm: (i) Sản xuất, gia công hàng hóa; (ii) Kho bãi; (iii) Dịch vụ logistic. Cùng với sự gia tăng số lượng dự án, sản lượng sản phẩm công nghiệp cũng gia tăng. Nhiều dự án có sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Tính đến ngày 31/12/2017, các KCN tại Đà Nẵng có 465 dự án đang đầu tư, trong đó dự án có vốn đầu tư nước ngoài là 118 dự án, tổng vốn đầu tư là 1.103,7 triệu USD và 347 dự án trong nước có vốn đăng ký là 15.653 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các KCN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là gần 74.314 người, trong đó số lao động làm việc trong các dự án FDI là 43.253 người. Các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động chủ yếu là hoạt động sản xuất hàng may mặc, chế biến thủy sản.

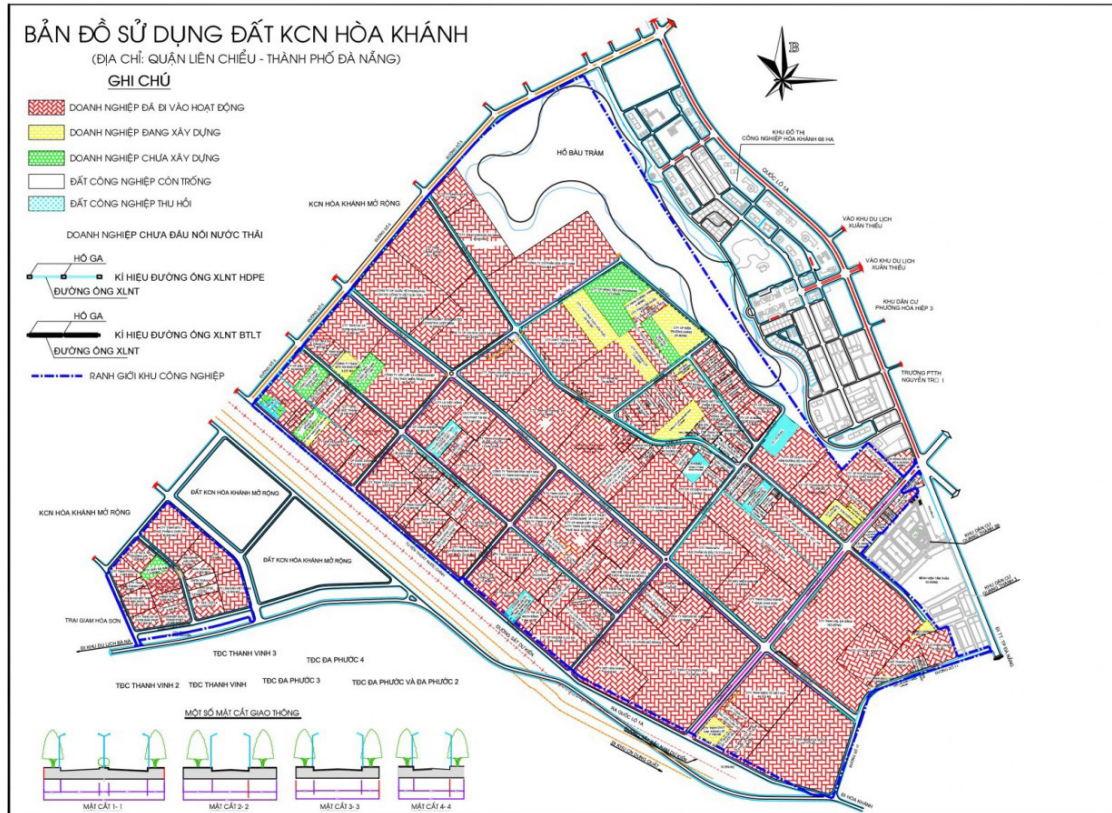
Bảng 1. Tổng lao động tại các doanh nghiệp trong KCN tính đến 31/12/2017

| KCN | Lao động làm việc tại dự án trong nước | Lao động làm việc tại dự án FDI | Tổng cộng |
|-------------------|--|---------------------------------|---------------|
| Hòa Khánh | 12 980 | 23 747 | 36 727 |
| Dịch vụ thủy sản | 5 962 | 565 | 6 527 |
| Hòa Cầm | 3 600 | 12 935 | 16 535 |
| Hòa Khánh mở rộng | 331 | 2 721 | 3 052 |
| Liên Chiểu | 2 115 | 133 | 2 248 |
| Đà Nẵng | 6 073 | 3 152 | 9 225 |
| Tổng cộng: | 31 061 | 43 253 | 74 314 |

2.2. KCN HOÀ KHÁNH

2.2.1. Giới thiệu chung

Bản đồ 3: Bản đồ sử dụng đất KCN Hoà Khánh – Đà Nẵng



Khu công nghiệp Hoà Khánh được thành lập năm 1997 và đặt tại vị thế lí tưởng gần trung tâm thành phố Đà Nẵng và cách sân bay quốc tế Đà Nẵng và nhà ga 10 km. Khu công nghiệp có các hệ thống hạ tầng hiện đại bao gồm hệ thống điện, xử lí nước thải, giao thông, nhà xưởng, nhà kho cho thuê và nguồn lao động dồi dào. Đây cũng là một trong 6 khu công nghiệp lớn nhất tại Đà Nẵng.

- Tổng diện tích theo quy hoạch: 393,995 ha
- Diện tích đất đã cho thuê: 300,592 ha;
- Diện tích Hồ Bàu Tràm: khoảng 45 ha;
- Diện tích cây xanh: 40 ha
- Tỷ lệ lấp đầy: 100%

Vị trí địa lý

Cách trung tâm thành phố 10km về phía Nam

Số lượng lao động

Số lượng lao động trong KCN Hoà Khánh mở rộng là 40.300 lao động.

Loại hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh

Sản xuất may mặc, dệt nhuộm; Sản xuất chế biến thực phẩm, nước uống; Sản xuất hàng điện, điện tử; Sản xuất sắt, thép, gia công cơ khí; Sản xuất bao bì, giấy các loại; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất hóa chất, hóa mỹ phẩm.

Khu vực dân cư xung quanh KCN

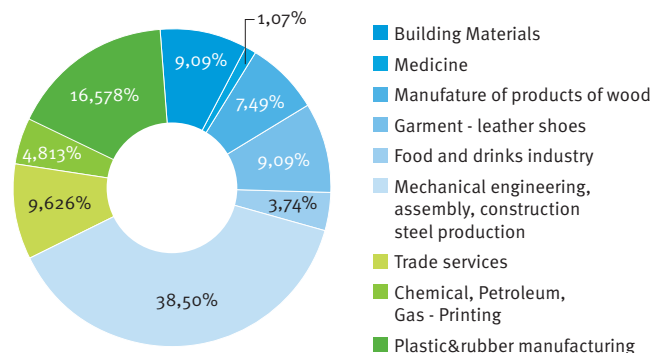
KCN Hoà Khánh nằm trọn trong khu vực phường Hoà Khánh Bắc với cả ¾ hướng đều có tiếp giáp với các tổ dân cư thuộc phường Hoà Khánh Bắc với tổng số dân cư là 48412 người và tỷ lệ nữ chiếm 47,7%. Ở phía Đông Bắc có giáp với 2 tổ dân cư số 1 và số 2 thuộc địa bàn phường Hoà Hiệp Nam (với tổng số khẩu là 23.367 và tỷ lệ nữ chiếm 50,8%.

2.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn từ doanh nghiệp đến các khu dân cư.

Phân loại doanh nghiệp

Qua biểu đồ phân loại dưới đây ta có thể thấy nhóm ngành nghề cơ khí, gia công, lắp ráp sản xuất thép xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất với 38,5%, các nhà máy được phân bố ở vị trí trung tâm và ở phía Bắc, Đông Bắc của KCN với một số doanh nghiệp nằm gần khu dân cư nhất là: Công ty TNHH DVVT Kim Thành Lợi, Cơ sở thép Châu Thạch, HTX sắt thép Hoà Hiệp, Tiếp đến là các doanh nghiệp sản xuất nhựa, bao bì chiếm 16,58% tổng số doanh nghiệp (các doanh nghiệp này được phân bố rải rác trong toàn bộ KCN). 9,63% tổng số doanh nghiệp nằm trong nhóm các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại. Các doanh nghiệp vật liệu xây dựng, may mặc và giày da cùng chiếm 9,09% tổng số doanh nghiệp. Trong số các doanh nghiệp vật liệu xây dựng có một số doanh nghiệp nằm trong phân cấp độ hại cấp 2 cần có giải cách ly vệ sinh tối thiểu là 500m từ khu vực nhà máy như công ty cổ phần Xi măng Comex. Các doanh nghiệp hoá chất, xăng dầu, khí gas và in ấn cũng có một số công ty thuộc cấp độ hại cao cần có giải cách ly vệ sinh lớn, chiếm 4,81% tỷ lệ các doanh nghiệp với Công ty cổ phần khí công nghiệp và hóa chất Đà Nẵng nằm ngay sát chi nhánh xăng dầu Hoà Khánh và tổ dân cư số 24.

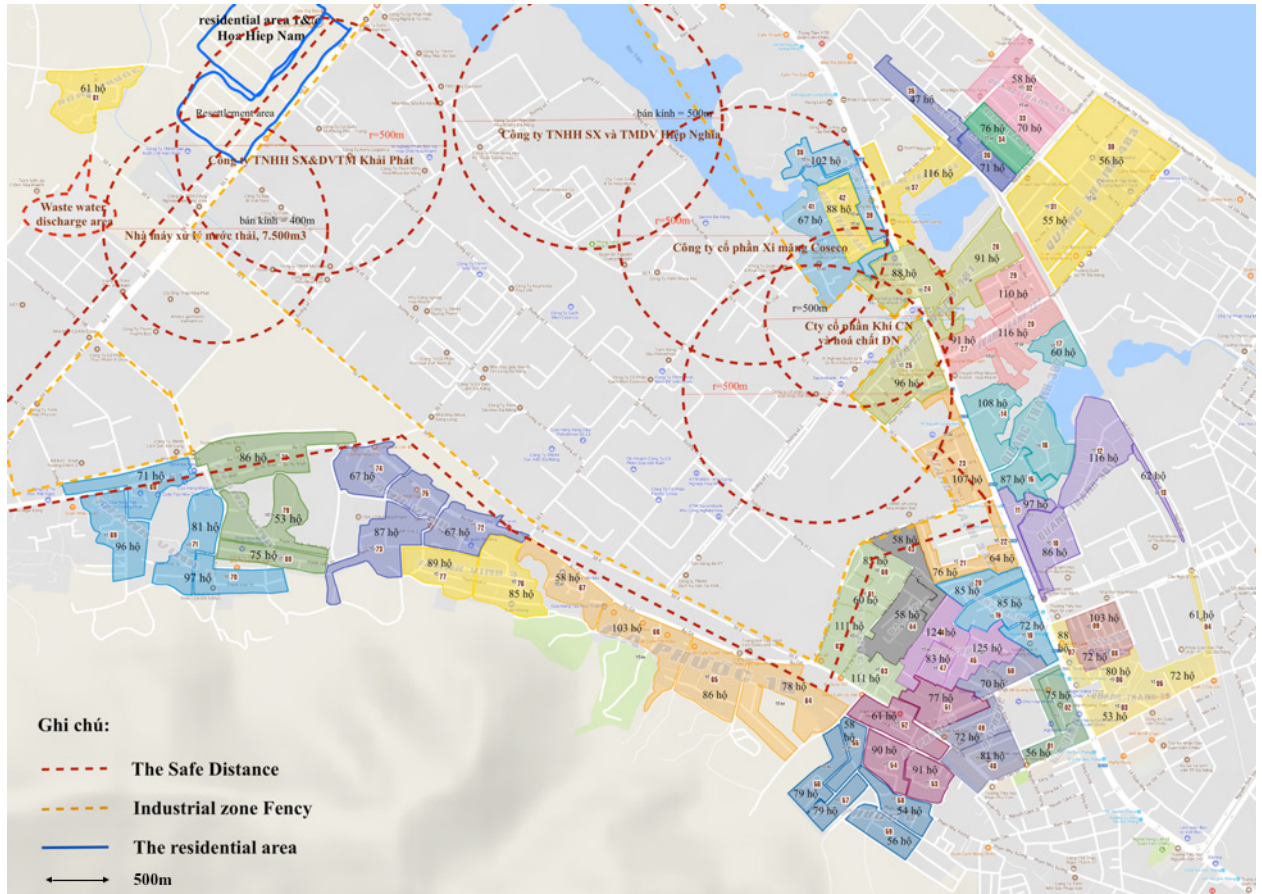
Biểu đồ 8: Phân loại các ngành nghề thuộc KCN Hoà Khánh – Ninh Bình



Phân tích khả năng ảnh hưởng của các SCMT&TT có thể ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Dựa trên danh sách 187 doanh nghiệp trong KCN Hoà Khánh cùng với vị trí của các doanh nghiệp trên bản đồ KCN, ta có thể thấy khu vực rìa phía nam của KCN là các doanh nghiệp cấp 4 và cấp 5 nên nhóm tư vấn lựa chọn khoảng cách ly vệ sinh lớn nhất trong khu vực này là 100m từ tường bao của KCN, tương tự với rìa phía Tây của KCN cũng chọn khoảng cách ly vệ sinh là 100m từ tường bao của KCN. Tại phía Bắc và Đông Bắc là một loạt các doanh nghiệp cơ khí, kim loại nặng nằm trong danh mục các cơ sở cấp 2 cần có giải cách ly vệ sinh 500m từ một số nhà máy. Bỏ qua các ảnh hưởng do dòng chảy, hướng gió, vận tốc gió..., kết hợp với thực tế khảo sát, một cách cơ học có thể xác định một số nhóm dân cư có nguy cơ chịu tác động lớn nhất như sau:

- Nguy cơ bị ảnh hưởng khi có các sự cố môi trường xảy ra theo khoảng cách giới hạn vệ sinh của TCVN 4449/1087 là toàn bộ 6 tổ dân cư (tổ số 24, 25, 39, 40, 41, 42) và một phần dân cư nằm sát nhà máy của các tổ 23, 21, 43, 60, 61, 62, 68, 78 với khoảng 623 hộ (chiếm 9,8% số hộ dân của phường Hoà Khánh Bắc) và 2.540 khẩu (chiếm 10,36% số khẩu của phường Hoà Khánh Bắc) có nguy cơ bị tác động lớn nhất.
- Toàn bộ khu tái định cư mới nằm cạnh trục đường số 5 của KCN khi đi vào hoạt động sẽ bị tác động nếu có sự cố môi trường xảy ra.
- Tổ số 81 Hồng Phước với 61 hộ dân và 239 khẩu thuộc phường Hòa Khánh Bắc nằm tách biệt với các khu dân cư khác và không nằm trong vùng cách ly không an toàn của nhóm tư vấn đưa ra. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát thực tế cho thấy, toàn bộ nước thải từ nhà máy xử lý nước thải cho các doanh nghiệp và các nguồn khác trong KCN đều được thải ra khu vực kênh nằm sát cạnh tổ số 81, trước khi theo dòng chảy ra sông Cu Đê. Qua quan sát cho thấy nước thải ở đây có màu đỏ, đục ngầu và có mùi hôi. Hơn thế, khu vực này địa hình có cốt nền rất thấp nên ngay khi xảy ra bão, lụt, toàn bộ khu vực này sẽ bị ngập sâu và ảnh hưởng đầu tiên trong địa bàn KCN. Do vậy toàn bộ 61 hộ dân và 239 khẩu của tổ số 81 cũng nằm trong vùng nguy hiểm khi có các sự cố môi trường và thảm họa xảy ra.
- Trên địa bàn phường Hoà Hiệp Nam, rập ranh với KCN từ phía Bắc, nằm trên trục đường số 5, có 2 tổ dân cư số 1 và số 2 thuộc khu vực Thạch Sơn - Hoà Hiệp 4, với khoảng 113 hộ (chiếm 2,20% tổng số hộ trên địa bàn phường Hoà Hiệp Nam) và 434 khẩu (chiếm 1,86% tổng số khẩu trên địa bàn phường Hoà Hiệp nam), nằm trong vòng tròn cách ly an toàn từ tường rào KCN Hoà Khánh sẽ có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có các sự cố môi trường và thiên tai xảy ra.



Bản đồ 4: Dải cách ly an toàn từ một số nhà máy và tường rào KCN Hoà Khánh – Đà Nẵng đến các khu vực dân cư xung quanh

Nhận xét

Như vậy tổng số hộ dân có thể có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có các SCMT&TT xảy ra do KCN Hoà Khánh là khoảng 862 hộ chiếm 13,6% tổng số hộ thuộc phường Hoà Khánh Bắc. Và khoảng 113 hộ chiếm khoảng 2,2% tổng số hộ dân trên địa bàn phường Hoà Hiệp Nam.

2.3.NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

2.3.1.Đánh giá nhận thức về các vấn đề liên quan đến SCMT&TT tại địa phương

Tổng số người tham gia trả lời phỏng vấn ở 6 nhóm đối tượng là 41 người trong đó tỷ lệ nữ tham gia phỏng vấn là 19 người, chiếm 46,3%.

Nhóm cộng đồng dân cư xung quanh các KCN

Theo kết quả điều tra phỏng vấn trực tiếp cộng đồng dân cư xung quanh KCN Hoà Khánh thì chỉ có 23,07% trả lời có biết về các trách nhiệm pháp lý mà các KCN, cơ sở sản xuất phải thực hiện và 23,07% số người này biết đến trách nhiệm thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương, và chỉ có 7,7% người lựa chọn các trách nhiệm lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó; thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm kiểm soát các sự cố môi trường; áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật.

100% số người được phỏng vấn trả lời không biết về các kế hoạch hoặc chương trình phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường của các KCN và cơ sở sản xuất thuộc địa phương mình sinh sống.

Nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương

Hiện chính quyền và các đoàn thể địa phương của cả 2 khu Hoà Khánh Bắc và Hoà Hiệp Nam chưa có chiến lược và kế hoạch, biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT cho địa phương mà chủ yếu lồng ghép trong kế hoạch ứng phó với sự cố về thiên tai hàng năm tại địa phương. Chính quyền và đoàn thể địa phương đã khuyến khích việc nộp quỹ phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường và thiên tai; có 67% các ý kiến không nắm rõ rằng địa phương có chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với các khoản đóng góp cho phòng ngừa với các SCMT&TT hay không, 6,7% trả lời chưa thực hiện và có 6,7% trả lời đã thực hiện. Trên 46,7% các ý kiến trả lời đã thực hiện việc diễn tập phòng ngừa các sự cố môi trường và thiên tai; tham gia ứng phó với SCMT&TT theo sự điều động của các cơ quan có thẩm quyền; và thống kê, đánh giá thiệt hại do SCMT&TT

Nhóm các cơ quan quản lý môi trường địa phương

Phòng tài nguyên môi trường Quận Liên Chiểu đã nêu ra rằng chỉ thực hiện việc kiểm tra giám sát đánh giá tình hình môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN khi có sự yêu cầu phối hợp kiểm tra của các đơn vị có liên quan; có lập phương án sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT hay tổ chức diễn tập phòng ngừa (chủ yếu là các hoạt động liên quan đến phòng chống và ứng phó với thiên tai và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn)

Nhóm ban quản lý KCN

Văn bản pháp luật và quy định liên quan đến các SCMT&TT được ban quản lý đưa ra ở đây chủ yếu là luật bảo vệ môi trường và không có các văn bản khác.

Nhóm ban quản lý KCN tại Đà Nẵng cho biết cả 06 KCN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và 04 công ty đầu tư phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ đều đã thực hiện việc lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường; áp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó với sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó với sự cố môi trường; tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra khi có yêu cầu; có trách nhiệm thực hiện, tham gia hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường;

Ban quản lý KCN có thoả thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước các bên liên quan khác ở địa phương khi có các SCMT&TT xảy ra, cụ thể là quy chế phối hợp thực hiện; đã có kế hoạch được công khai để phòng ngừa và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT vì sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện việc này; có tổ chức các buổi diễn tập ứng phó với các SCMT&TT với các đơn vị khác trên địa bàn thành phố; và có thành lập đội đội phản ứng nhanh trong các tình huống khẩn cấp khi có SCMT&TT xảy ra.

Nhóm các công ty đầu tư phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ (ĐTPHT&CCDV)

Các đại diện của các công ty ĐTPHT&CCDV trong KCN cho biết đơn vị đã thực hiện lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện sẵn sàng ứng phó (các thiết bị PCCC và bão lụt); đã thực hiện đào tạo và huấn luyện trong phạm vi nhà máy, và tham gia diễn tập về phòng ngừa và ứng phó cho các đối tượng là lực lượng tại chỗ để ứng phó sự cố môi trường.

Nhóm các doanh nghiệp thuộc KCN

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, có 70% số người đại diện cho doanh nghiệp trả lời có biết các văn bản pháp luật có liên quan đến SCMT và thiên tai, cụ thể như: Luật bảo vệ môi trường 2014, các văn bản liên quan đến luật, Nghị định 30/2017/NĐ-CP quy định về ứng phó sự cố thiên tai nghị định của chính phủ về xử lý nước thải, chất thải rắn;. Có 12,5% trả lời không biết và có 12,5% không trả lời câu hỏi này. *Về các giải pháp phòng ngừa giảm thiểu tác hại và gián đoạn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do các SCMT&TT kết quả điều tra phỏng vấn (được thể hiện trong biểu đồ...) cho thấy:*

- 87,5% các doanh nghiệp tham gia điều tra đều có thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên; 75% các doanh nghiệp trả lời tham gia đầy đủ vào các chương trình, thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; tập huấn, diễn tập phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó; có tiến hành cải tiến quy trình công nghệ, kỹ thuật; Xây dựng các phương án kinh doanh dự phòng.
- 90% các doanh nghiệp đào tạo, huấn luyện và xây dựng lực lượng tại chỗ để ứng phó với các SCMT&TT;
- 62,5% các doanh nghiệp trả lời rằng có xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT, 37,5% trả lời không chắc

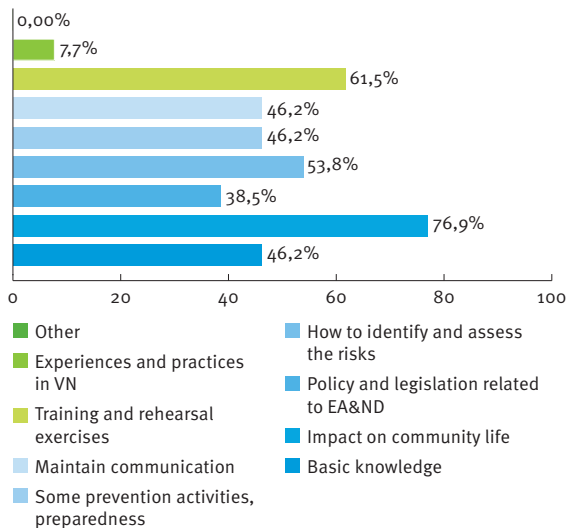
2.3.2. Đánh giá về nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan

Nhóm cộng đồng dân cư xung quanh KCN

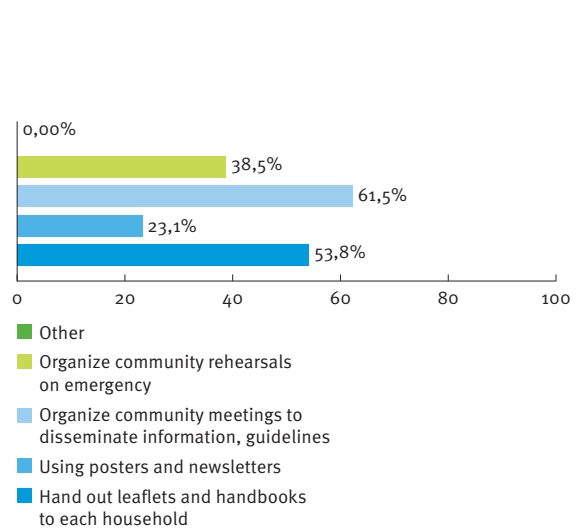
92,3% cộng đồng dân cư xung quanh các KCN Khánh Phú trả lời đồng ý tham gia và các chương trình tăng cường năng lực về các vấn đề liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT với: 46,2% trong số đó muốn tham gia một số hoạt động phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra; 61,5% là tỷ lệ lớn nhất do cộng đồng quan tâm các vấn đề về hoạt động huấn luyện và diễn tập thử ứng phó; duy trì thông tin liên lạc khi có các SCMT&TT xảy ra là 46,2%; các chính sách và pháp luật có liên quan được 38,5% số người trả lời và 53,8% quan tâm đến cách nhận diện và đánh giá các rủi ro; những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam chỉ chiếm 7,7% và không có nội dung nào khác được đề nghị.

Về phương pháp, cộng đồng cũng cho rằng tổ chức các buổi họp cộng đồng để phổ biến thông tin, hướng dẫn là hình thức tuyên truyền hiệu quả nhất với 61,5%; tiếp đến là biện pháp phát tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn đến từng hộ gia đình với 53,8% số câu trả lời; tổ chức diễn tập về ứng phó khẩn cấp với SCMT&TT 38,5% người lựa chọn. Hình thức dán áp phích, pano cố động tại địa phương là thấp nhất với 23,1% và không có đề xuất các giải pháp khác. *Cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương tại Đà Nẵng*

Biểu đồ 9: Nhu cầu tăng cường năng lực của CĐXQ KCN – Đà Nẵng



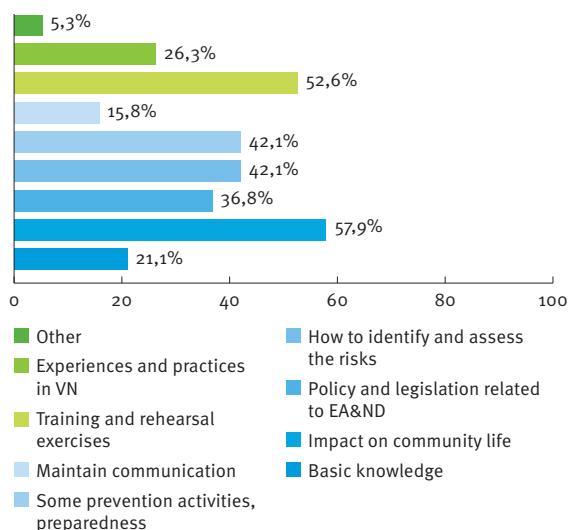
Biểu đồ 10: Phương pháp tuyên truyền mà CĐXQ KCN – Đà Nẵng lựa chọn



Cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương tại Đà Nẵng

Có 56,3% số người đại diện cho các cơ quan chính quyền đoàn thể địa phương trả lời đã từng tham gia vào các buổi tập huấn liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT (cụ thể như tập huấn phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai; tập huấn xây nhà chống bão; tập huấn biến đổi môi trường, biến đổi khí hậu, nguồn nước; tập huấn ứng phó với biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai). Ở câu hỏi tiếp theo thì có 63,2% số lượng người có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, chương trình truyền thông để tăng cường năng lực bản thân trong thời gian tới. Các nội dung cụ thể được thống kê trong biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 11: Nội dung muốn được nâng cao năng lực của cơ quan chính quyền và đoàn thể địa phương – Đà Nẵng



Theo biểu đồ cho thấy có nhiều nhất 57,9% người trả lời muốn được tìm hiểu về các tác động của SCMT&TT; tiếp đến là huấn luyện và diễn tập thử chiếm 52,6%; 42,1% muốn tìm hiểu về việc tư vấn hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa SCMT&TT và tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện, đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT&TT; các vấn đề liên quan đến chính sách và pháp luật có liên quan chiếm 36,8%; các khái niệm cơ bản chiếm 21,1%; những kinh nghiệm thực tiễn tại Việt Nam chiếm 26,3%; duy trì thông tin liên lạc chiếm 15,8% và nội dung khác chiếm 5,3% (với việc đề nghị cho kiểm tra đo bụi gây ô nhiễm không khí Nhà máy thép và Nhà máy Xi măng Cosesco)

Nhóm ban quản lý KCN và các công ty ĐTPHT&CCDV

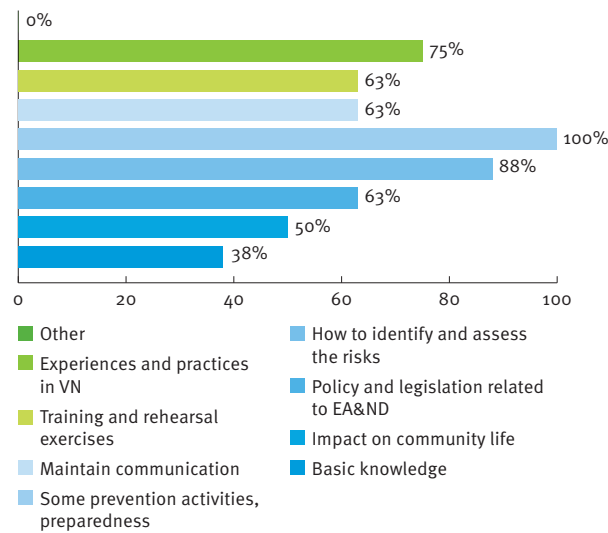
100% các thành viên trong Ban quản lý KCN và công ty ĐTPHT&CCDV đều sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực bản thân. 100% muốn tìm hiểu về 7 nội dung mà phiếu điều tra đưa ra, trừ nội dung duy trì thông tin liên lạc trong các tình huống SCMT&TT xảy ra chỉ có 30% số người lựa chọn.

Nhóm các doanh nghiệp thuộc KCN Hoà Khánh

100% các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều có nhu cầu tăng cường năng lực bản thân với 100% lựa

chọn quan tâm nhất đến các hoạt động phòng ngừa và ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra như trong biểu đồ 11 dưới đây; tiếp đến là cách nhận diện, đánh giá rủi ro có liên quan chiếm 87,5%; Những kinh nghiệm thực tiễn ở Việt Nam đều chiếm 75%; Tỷ lệ 62,5% là các câu trả lời lựa chọn các hoạt động huấn luyện và diễn tập thử; Duy trì thông tin liên lạc và chính sách và pháp luật có liên quan; 50% lựa chọn tìm hiểu đến các tác động đến cuộc sống và cộng đồng dân cư, ít nhất là 37,5% số người lựa chọn các khái niệm cơ bản liên quan đến các SCMT&TT.

Biểu đồ 12: Nội dung muốn được nâng cao năng lực của các doanh nghiệp của KCN Hòa Khánh – Đà Nẵng



Nhận xét

Có rất ít người dân thuộc phường Hòa Khánh Bắc và Hòa Hiệp Nam của Đà Nẵng có nhận thức được các vấn đề liên quan đến trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan đến nguy cơ xảy ra SCMT&TT (những vấn đề cao nhất chỉ chiếm 23% số người trả lời), 100% người dân không biết đến các kế hoạch chương trình ứng phó với các SCMT&TT; Chính quyền địa phương, cơ quan quản lý MT địa phương, BQL KCN, các công ty ĐT PTCST&DV và một số doanh nghiệp đã có các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT được lồng ghép trong các kế hoạch phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy, ứng phó với các sự cố hóa chất.

Đa phần các đối tượng tham gia trả lời phỏng vấn đều sẵn lòng tham gia các buổi tập huấn, tăng cường năng lực cho bản thân về các SCMT&TT. Trong đó, nhóm cộng đồng dân cư quan tâm nhất đến vấn đề về hoạt động huấn luyện và diễn tập thử ứng phó và nhận diện và đánh giá rủi ro. Với nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương, nội dung họ quan tâm nhất là tác động đến cuộc sống của người dân và diễn tập ứng phó với SCMT&TT. Nhóm BQL KCN và các công ty ĐT PTCST&DV thì muốn tìm hiểu gần như 100% các nội dung đưa ra. Doanh nghiệp thì lại quan tâm nhất đến một số hoạt động phòng ngừa và ứng phó với 100% trả lời, tiếp đến là nhận diện và đánh giá rủi ro; những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam, ...

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (HIỆN TRẠNG, NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC) XUNG QUANH KCN TRÀ NÓC 1&2 – CẦN THƠ

3.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP TẠI CẦN THƠ

Tính đến tháng 10 năm 2018, các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ có 231 dự án còn hiệu lực, trong đó: có 207 dự án đầu tư trong nước, 23 dự án FDI và 1 dự án ODA. Cần Thơ hiện có 6 KCN tập trung (bao gồm: KCN Trà Nóc I và Trà Nóc II, KCN Hưng Phú I, Hưng Phú II A, Hưng Phú II B và KCN Thốt Nốt) được quy hoạch xây dựng ở các vị trí thuận tiện về giao thông đường thủy, đường bộ, lại nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu nông - thủy - hải sản..., nên có triển vọng thu hút được nhiều vốn đầu tư.

Bảng 2: Tình hình hoạt động của các KCN (TP Cần Thơ, 2018)

| Tên KCN | Diện tích (ha) | Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD) | Vốn đầu tư thực hiện (triệu USD) | Số dự án hoạt động | Tỷ lệ cho thuê đất (%) |
|------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------|------------------------|
| Trà Nóc 1 | 135 | 411.529 | | 128 | 100 |
| Trà Nóc 2 | 157 | 607.435 | | 62 | 96.5 |
| Hưng Phú I | 200.2 | 156.528 | 101.843 | 11 | 32.5 |
| Hưng Phú IIA | 134.34 | 136.37 | | 3 | 28.6 |
| Hưng phú IIB | 67 | 171.48 | | 2 | 92.8 |
| Thốt Nốt | 104.3 | 196.66 | 82.69 | 21 | 65 |
| Tổng cộng | 797.84 | 1 680 | | 227 | |

Ngoài 6 KCN trên, TP. Cần Thơ đang quy hoạch xây dựng thêm KCN Ô Môn có diện tích 600 ha và KCN Bắc Ô Môn có diện tích 400 ha, cả hai KCN này đều nằm trên địa bàn quận Ô Môn, cách trung tâm TP.Cần Thơ khoảng 20 km.

3.2. KCN TRÀ NÓC 1&2

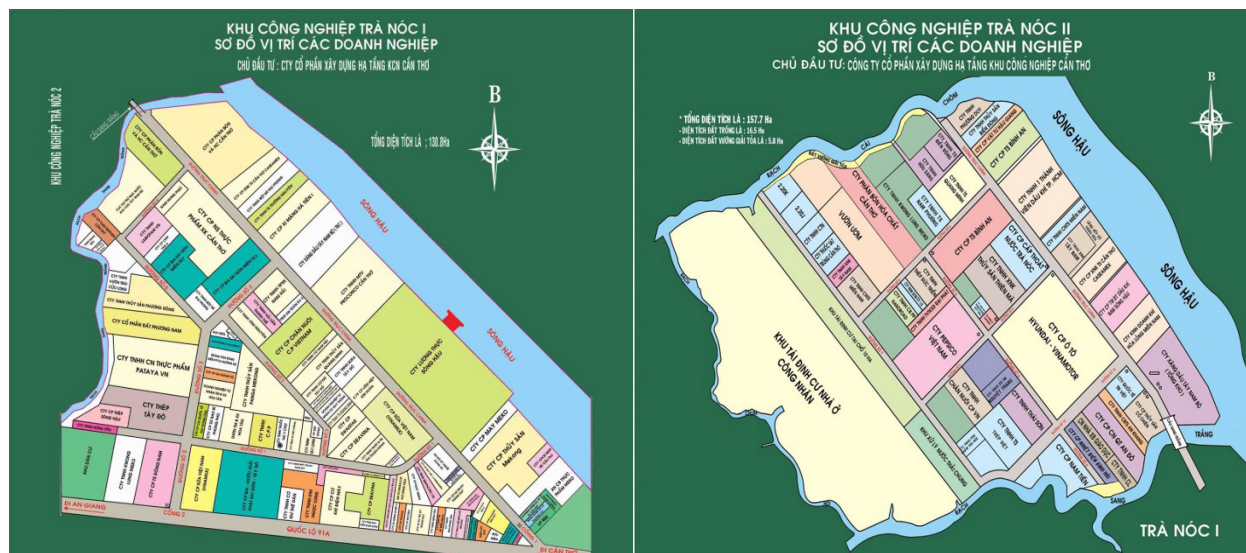
3.2.1. Vị trí địa lý và sơ đồ bố trí dân cư xung quanh KCN.

KCN Trà Nóc được thành lập sớm nhất tại Thành Phố Cần Thơ từ thập niên 90. KCN Trà Nóc 1 chính thức hoạt động vào năm 1995 và KCN Trà Nóc 2 năm 1998, cả 2 khu có tổng diện tích quy hoạch là 300 ha. Định hướng phát triển ngành nghề của KCN Trà Nóc là khuyến khích các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; các ngành công nghiệp cơ khí, điện, điện tử, sản xuất phụ tùng máy móc...

KCN Trà Nóc được bao bọc xung quanh là các sông rạch chằng chịt, vùng lân cận KCN chủ yếu là các khu dân cư của 2 phường Phước Thới và Trà Nóc, vị trí tiếp giáp của KCN Trà Nóc được mô tả như sau:

- Phía Bắc và phía Đông giáp với sông Hậu; một phần tiếp giáp với khu dân cư của Phường Phước Thới phân cách bởi các con rạch và đường xá. Một khu tái định cư 10ha nằm sát đường số 7 của KCN, khoảng cách từ hộ dân gần nhất đến nhà máy xử lý nước thải của KCN là khoảng 80 m.
- Phía Nam giáp với đường quốc lộ 91A đi các tỉnh An Giang, Kiên Giang; tiếp giáp nhiều nhất với 3 khu vực dân cư là khu vực 2, khu vực 4 và khu vực 6 của phường Trà Nóc với tổng số hộ là 2918 hộ, tổng số nhân khẩu là 11959 người và tổng diện tích khoảng 197,44 ha.
- Phía Tây giáp với rạch Cái Chôm.

Bản đồ 5: KCN Trà Nóc 1 và Trà Nóc 2, Thành Phố Cần Thơ



Địa hình

khu vực nghiên cứu nằm trên vùng đồng bằng phù sa có bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng, hơi nghiêng về phía Tây Nam. Cao độ mặt đất phổ biến từ 0,8 m - 1,0 m. Do địa hình thấp nên thường hay

ngập về mùa lũ.

Chế độ khí tượng

Vùng nghiên cứu bị ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu nóng ẩm; có hai mùa rõ rệt gồm mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau). Nhiệt độ trung bình năm khoảng 28oC, số giờ nắng trung bình cả năm khoảng 2.249,2 giờ, lượng mưa trung bình đạt 1600 mm/năm. Độ ẩm trung bình năm dao động 82 – 87%.

Chế độ thủy văn

Đoạn sông Hậu chảy qua với lượng nước ngọt dồi dào với lưu lượng trung bình vào mùa kiệt là 2.000 m³/s, vào mùa lũ là 40.000 m³/s thuận lợi cho việc cấp nước và giao thông thủy. Ngoài ra trong khu vực có nhiều kênh rạch lớn nhỏ khác. Đáng chú ý là Rạch Sang Trắng, Rạch Cái Chôm, Rạch Chùm Hôi với nguồn nước ngọt quanh năm. Mực nước dao động theo chế độ bán nhật triều không đều.

Khu vực dân cư xung quanh

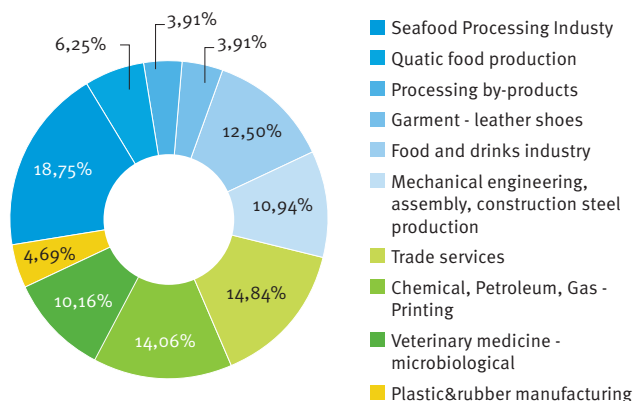
Khu công nghiệp Trà Nóc 2 hiện có 2 cụm dân cư thuộc khu vực 4 của phường Trà Nóc hiện vẫn đang nằm trong địa phận KCN, và rập ranh với khu dân cư số 2, số 4 và số 6 của phường qua tường rào khu công nghiệp. Tổng số dân cư khu vực Trà Nóc là 15630 người với tỷ lệ nữ dân cư chiếm 50,1%. Khu công nghiệp Trà Nóc 1 tiếp xúc với khu tái định cư của phường Phước Thới có tổng số khẩu là 24317 khẩu và tỷ lệ nữ cũng chiếm 50,1%.

3.2.2. Phân loại ngành nghề và dải cách ly an toàn đến các khu dân cư

Phân loại ngành nghề chính trong KCN

Các lĩnh vực sản xuất tại KCN Trà Nóc chủ yếu bao gồm: chế biến thủy, hải sản (chiếm 18,75%); chế biến lương thực, thực phẩm, bia, giải khát (12,5%); cơ khí, gia công, lắp ráp, sản xuất thép xây dựng (10,94%); kinh doanh dịch vụ thương mại (14,84%); hoá chất xăng dầu khí (14,06%); và sản xuất thuốc thú y, thuốc vi sinh chiếm 10,16%; còn lại là các ngành sản xuất nhựa bao bì, chế biến thức ăn thủy hải sản; chế biến phụ phẩm, may mặc – giày da (Biểu đồ 13) .

Biểu đồ 13: Phân loại ngành nghề chính trong KCN Trà Nóc 1&2, năm 2018



Dải cách ly an toàn từ KCN đến các vùng xung quanh

Dựa trên việc phân loại các doanh nghiệp và phân cấp độc hại của doanh nghiệp xí nghiệp trong KCN Trà Nóc 1&2, thì có thể thấy có tỷ lệ các doanh nghiệp hoá chất, xăng dầu, hơi chiếm tới 14,06%, trong đó có rất nhiều các doanh nghiệp nằm trong phân loại xí nghiệp độc hại cấp 1 cần có giải pháp cách ly từ 1.000m, và có tới 18,75% các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản với mức phân loại xí nghiệp độc hại của nhiều doanh nghiệp nằm ở cấp độ độc hại thứ 2 cần có giải pháp cách ly từ 500m (là 2 cấp độ độc hại cao nhất theo tiêu chuẩn TCVN/4449/1987 quy hoạch xây dựng đô thị tiêu chuẩn thiết kế đưa ra) chưa kể tới một số các doanh nghiệp cơ khí, gia công thép xây dựng cũng nằm trong nhóm nguy cơ độc hại cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp này lại nằm rải rác khắp KCN, một số doanh nghiệp cơ khí, gia công thép và doanh nghiệp chế biến thủy hải sản lại nằm sát tường rào KCN về phía Nam của Trà Nóc 1, khá sát với khu dân cư. Do vậy nhóm tư vấn đã thực hiện xác định khoảng cách ly giả định từ tường rào KCN đến các địa bàn xung quanh với bán kính là 1.000m. Dựa trên chụp bản đồ và khoanh vùng bán kính 1.000m (khu vực nằm trong đường kẻ nét đứt màu đỏ) như dưới bản đồ 5 cho thấy:

- Tổ số 1 và số 2 thuộc khu vực 4 của Trà Nóc với 275 hộ hiện vẫn chưa di dời và nằm bên trong khu vực khu công nghiệp. Chắc chắn những 275 hộ này (chiếm 7,2% tổng số dân của khu vực Trà Nóc sẽ bị ảnh hưởng đầu tiên và nặng nề nhất khi có các SCMT&TT xảy ra.
- Bên cạnh 2 tổ dân cư vẫn nằm trong KCN thì, toàn bộ khu dân cư khu vực 4 còn lại, khu vực 6, khu vực 2 và một phần của khu vực 1 nằm trong khoảng cách ly không an toàn từ tường rào KCN. Dựa trên các dữ liệu dân cư có thể tính được có khoảng 3.402 hộ (chiếm 89,19% số hộ dân khu vực Trà Nóc) với khoảng 13.794 khẩu (chiếm 88,25% số khẩu khu vực Trà Nóc) có nguy cơ bị ảnh hưởng.
- Một khu tái định cư mới nằm sát khu vực đường số 7 và nhà máy xử lý nước thải của KCN thuộc địa bàn phường Phước Thới sẽ nằm trong vùng cách ly không an toàn từ khu vực nhà máy. Thực tế khảo sát cũng cho thấy khu vực này bị ảnh hưởng từ mùi hôi từ phía nhà máy xử lý nước thải rất nhiều. Khu vực này mới có khoảng gần 100 hộ dân tái định cư chuyển đến sinh sống và chưa được thống kê cụ thể về số nhân khẩu. Cùng với đó là tái định cư nhà ở cho công nhân cũng nằm trong bán kính 1000m từ tường rào KCN, và nằm cả trong bán kính 1000m khoảng cách ly an toàn từ công ty hoá chất Phân bón Cần Thơ.

Bản đồ 5: Dải cách ly an toàn từ KCN đến cộng đồng dân cư xung quanh tại KCN Trà Nóc 1&2



Nhận xét

Như vậy, nhóm tư vấn xác định có khoảng 3.402 hộ (chiếm 89,19% số hộ dân khu vực Trà Nóc) với khoảng 13.794 khẩu (chiếm 88,25% số khẩu khu vực Trà Nóc) có nguy cơ bị ảnh hưởng khi có các SCMT&TT xảy ra, trong đó có 7,2% dân cư gần như nằm lọt trong KCN. Cùng với đó là khoảng gần 100 hộ dân cư trong khu tái định cư thuộc phường Phước Thới và khu tái định cư nhà ở cho công nhân cũng sẽ chịu tác động.

3.3. ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC VÀ NHU CẦU TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

3.3.1. Nhận thức về các vấn đề liên quan đến SCMT&TT tại địa phương

Tổng số người tham gia trả lời phỏng vấn trong và xung quanh KCN Trà Nóc 1&2 là 54 người, trong đó số nữ tham gia trả lời phỏng vấn là 19 người chiếm khoảng 35%, nam chiếm 65%.

Nhóm cộng đồng dân cư xung quanh các KCN

Với 91,3% số lượng cộng đồng được hỏi trả lời rằng họ có biết các trách nhiệm pháp lý mà các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, phương tiện vận tải buộc phải thực hiện để bảo vệ cộng đồng và phòng tránh các rủi ro do SCMT&TT xảy ra. Trong đó, 73,9% người dân – là tỷ lệ lớn nhất- cho biết việc đào tạo, huấn luyện và xây dựng lực lượng tại chỗ để ứng phó với các sự cố môi trường là trách nhiệm pháp lý cần phải thực hiện bởi các đối tượng chủ đầu tư, BQL KCN và doanh nghiệp. Ngoài ra hơn 50% cộng đồng đều cho rằng hầu hết các nội dung khác như: “áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật hay lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT”; “thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi SCMT xảy ra” là trách nhiệm pháp lý mà các đối tượng nêu trên cần phải thực hiện... Duy nhất có nội dung “các đối tượng cần có các biện pháp loại trừ các nguyên nhân gây ra sự cố” là có tỷ lệ 39,1%, cũng là tỷ lệ thấp nhất.

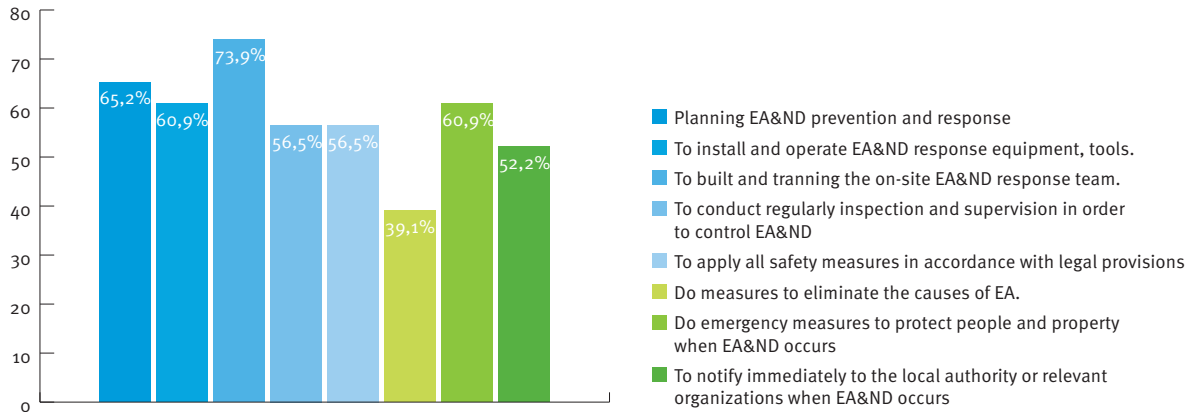
Nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương

Hiện tại chính quyền và các đoàn thể địa phương chưa có chiến lược và kế hoạch, biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT cho địa phương mà chủ yếu lồng ghép trong kế hoạch ứng phó với sự cố về thiên tai hàng năm tại địa phương. Chính quyền và đoàn thể địa phương đã khuyến khích việc nộp quỹ phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường và thiên tai. Có một số ý kiến cho rằng đã có chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với các khoản đóng góp cho phòng ngừa với các SCMT&TT, khắc phục hậu quả của thiên tai nhưng cũng có những ý kiến đề là không nắm rõ; đã có sự tham gia vào các hoạt động phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác môi trường trong doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở công tác phòng chống sạt lở.

Nhóm các cơ quan quản lý môi trường địa phương

Cơ quan quản lý môi trường địa phương chỉ phối hợp khi có yêu cầu để đi kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN; có lập phương án sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT hay tổ chức diễn tập phòng ngừa (chủ yếu là các hoạt động liên quan đến phòng chống và ứng phó với thiên tai và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn).

Biểu đồ 14: Ý kiến của cộng đồng dân cư về trách nhiệm pháp lý mà chủ đầu tư, ban QL KCN và doanh nghiệp phải thực hiện tại Ninh Bình



Nhóm ban quản lý KCN

Nhóm ban quản lý KCN Trà Nóc 1&2 cho biết trong địa bàn đều đã có các doanh nghiệp, các KCN và công ty đầu tư phát triển hạ tầng thực hiện lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT; lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó với sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó với sự cố môi trường; tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên (cụ thể là 2 năm 1 lần); có trách nhiệm thực hiện, tham gia hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường;

Ban quản lý KCN cũng đã có thoả thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước các bên liên quan khác ở địa phương khi có các SCMT&TT xảy ra, cụ thể là quy chế phối hợp thực hiện. Tuy vậy, Ban quản lý KCN chưa có kế hoạch được công khai để phòng ngừa và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT vì các sở tài nguyên và môi trường đã thực hiện việc này. Ban quản lý KCN hiện mới chỉ phối hợp tổ chức các buổi diễn tập ứng phó với các SCMT&TT (cụ thể là mới chỉ có các buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy) với các đơn vị khác trên địa bàn thành phố.

Nhóm các công ty ĐT PTCSHT&CCDV

Đại diện của công ty ĐT PTCSHT&CCDV trong KCN cho biết đơn vị đã thực hiện lắp đặt các trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện sẵn sàng ứng phó (các thiết bị PCCC và phòng chống bão lụt); đã thực hiện đào tạo và huấn luyện trong phạm vi nhà máy, và tham gia diễn tập về phòng ngừa và ứng phó cho các đối tượng là lực lượng tại chỗ để ứng phó sự cố môi trường.

Nhóm các doanh nghiệp thuộc KCN

Về nhận thức về các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến SCMT&TT:

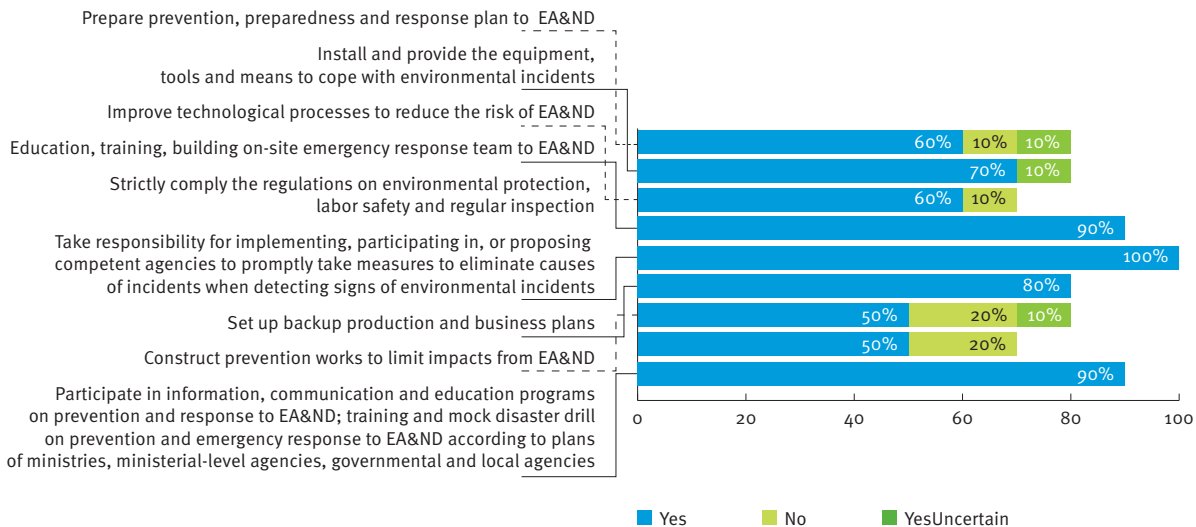
Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, có 40% số người đại diện cho doanh nghiệp trả lời có biết các văn bản pháp luật có liên quan đến SCMT&TT, cụ thể như: Nghị định 30/2017/NĐ-CP quy định về ứng phó sự cố thiên tai liên quan đến hoạt động ứng phó, diễn tập ứng phó sự cố thiên tai, Luật BVMT 2005,

Luật BVMT 2014, Luật phòng chống thiên tai 2013, Luật Hóa chất 2007. Có 20% trả lời không biết và có 40% không trả lời câu hỏi này.

Về các giải pháp phòng ngừa giảm thiểu tác hại và gián đoạn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do các SCMT&TT kết quả điều tra phỏng vấn được thể hiện trong biểu đồ cho thấy:

- 100% các doanh nghiệp tham gia điều tra đều có thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên; 100% tham gia đầy đủ vào các chương trình, thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; tập huấn, diễn tập phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và địa phương; 70% các doanh nghiệp có lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó; 60% các doanh nghiệp có tiến hành cải tiến quy trình công nghệ, kỹ thuật.
- 90% các doanh nghiệp đào tạo, huấn luyện và xây dựng lực lượng tại chỗ để ứng phó với các SCMT&TT;
- Tuy nhiên chỉ có 50% các doanh nghiệp trả lời rằng có xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó cũng như các phương án sản xuất kinh doanh dự phòng, 10% trả lời không lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó; 10% không chắc và 30% không trả lời.

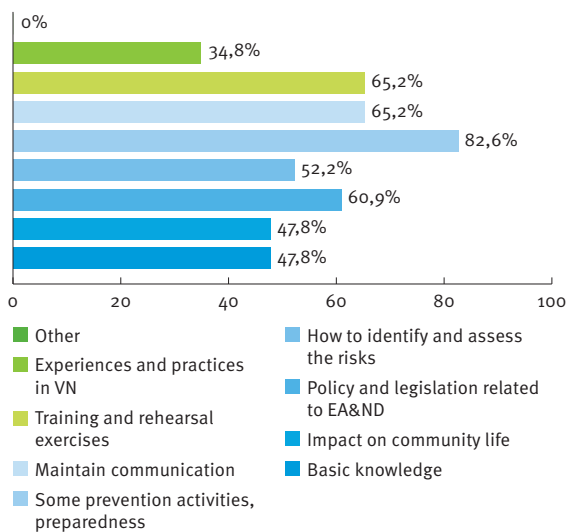
Biểu đồ 15: Các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT đã thực hiện tại các doanh nghiệp trong KCN – Cần Thơ



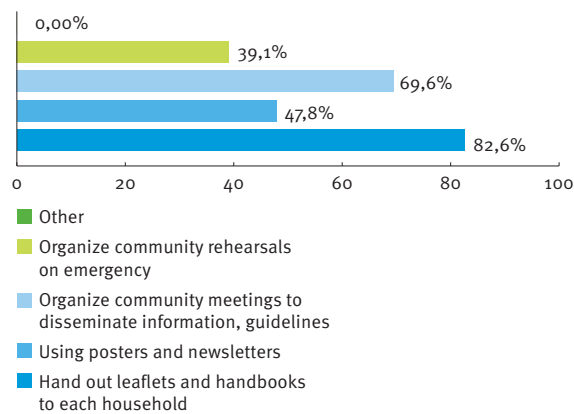
3.3.2. Đánh giá về nhu cầu tăng cường năng lực của người dân và các nhóm đối tượng có liên quan.

Nhóm cộng đồng dân cư xung quanh các KCN

100% cộng đồng dân cư xung quanh KCN Trà Nóc trả lời đồng ý tham gia và các chương trình tăng cường năng lực về các vấn đề liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT với: 82,6% muốn tham gia một số hoạt động phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra; 65,2% là tỷ lệ cộng đồng quan tâm các các vấn đề về hoạt động huấn luyện và diễn tập thử ứng phó cũng như các duy trì thông tin liên lạc khi có các SCMT&TT xảy ra; các chính sách và pháp luật có liên quan được 60,9% số người trả lời và 52,5% quan tâm đến cách nhận diện và đánh giá các rủi ro; những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam chỉ chiếm 34,8% và không có nội dung nào khác được đề nghị. Bên cạnh các nội dung muốn được tìm hiểu thì cộng đồng cũng cho rằng cách phát tờ rơi, cầm nang hướng dẫn đến từng hộ gia đình là hình thức tập huấn, tuyên truyền mang lại hiệu quả với 82,6% số câu trả lời. Tiếp theo đó là tổ chức các buổi họp cộng đồng để phổ biến thông tin, hướng dẫn với 69,6%. Biện pháp tổ chức diễn tập về ứng phó khẩn cấp với sự cố môi trường có 39,1% người lựa chọn.



Biểu đồ 16: Nhu cầu tăng cường năng lực của CĐXQ KCN – Cần Thơ



Biểu đồ 17: Phương pháp tuyên truyền mà CĐXQ KCN – Cần Thơ lựa chọn

Nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương

Có 25% các cán bộ thuộc nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương đã tham gia tập huấn hoặc các hoạt động liên quan đến nhận diện và ứng phó với các sự cố môi trường (cụ thể là: phòng cháy chữa cháy, tập huấn về biến đổi khí hậu của sở KHCN và tập huấn liên quan đến ứng phó với SCMT&TT do Hội phụ nữ thành phố Cần Thơ tổ chức), trong khi có tới 75% chưa từng tham gia vào các hoạt động có liên quan.

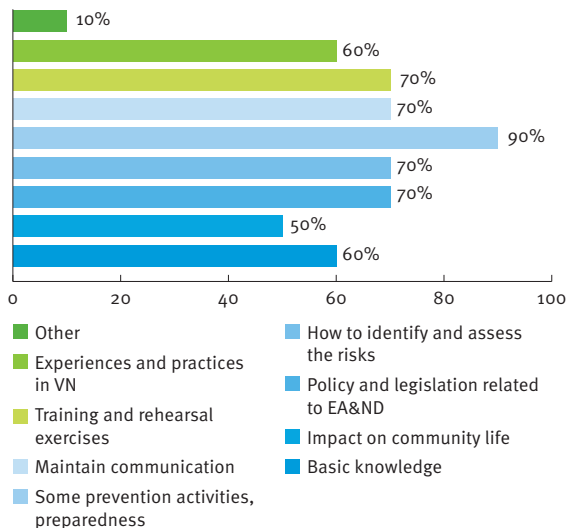
91,7% các đối tượng thuộc nhóm chính quyền đoàn thể địa phương có đồng ý tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, chương trình truyền thông để nâng cao năng lực cho bản thân với những nội dung được quan tâm nhiều nhất chiếm trên 50% một cách tuần tự từ cao đến thấp là: tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT (58,3%); tư vấn hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện và đánh giá rủi ro (50%); tác động của SCMT&TT (50%); chính sách và pháp luật có liên quan (50%); các nội dung còn lại đều được lựa chọn nhưng chiếm tỷ lệ dưới 50% trong đó thấp nhất là những kinh nghiệm và thực tế tại Việt Nam chiếm 25%.

Nhóm ban quản lý KCN

100% các thành viên trong BQL KCN đều sẵn lòng tham gia vào tất cả các nội dung được đề xuất cho các buổi tập huấn, hội thảo và chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân. Ba nội dung được quan tâm nhiều nhất và đều chiếm 60% là: chính sách và pháp luật, huấn luyện và diễn tập thử, những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam; bên cạnh đó là các tác động; tư vấn hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện và đánh giá, xây dựng kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó, khái niệm cơ bản và phương pháp duy trì thông tin lên lạc khi có SCMT&TT xảy ra đều được 40% lựa chọn.

Nhóm các công ty ĐT PTCSTH&CCDV

Có 2 công ty ĐT PTCSTH&CCDV tham gia khảo sát thì cả 2 đại diện đều chưa từng tham gia các buổi tập huấn hoặc hoạt động liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT. 1 đại diện trả lời có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, chương trình truyền thông để tăng cường năng lực và muốn tìm hiểu tất cả các nội dung đưa ra trừ nội dung tác động đến cuộc sống của cộng đồng dân cư. Một đại diện khác không trả lời câu hỏi này.



Biểu đồ 18: Nhu cầu tăng cường năng lực của các doanh nghiệp trong các KCN – Cần Thơ

100% các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều có nhu cầu tăng cường năng lực bản thân với 90% lựa chọn quan tâm nhất đến các hoạt động phòng ngừa và ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra; tiếp đến là huấn luyện diễn tập; duy trì thông tin liên lạc, cách nhận diện đánh giá rủi ro, chính sách và pháp luật có liên quan đều chiếm 70%; ít hơn 1 chút với 60% số người quan tâm đến những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam và các khái niệm cơ bản; các tác động đến cuộc sống và cộng đồng dân cư có 50% quan tâm và chỉ có 10% lựa chọn nội dung khác nhưng không ghi rõ cụ thể.

Nhận xét: Như vậy, sau khi điều tra khảo sát về nhận thức của các bên liên quan đến SCMT&TT cho thấy: đa phần người dân thuộc các xã lân cận KCN Trà Nóc 1&2 của Cần Thơ đều có biết đến các vấn đề liên quan đến trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan đến nguy cơ xảy ra SCMT&TT với các vấn đề được nêu ra đa phần đều chiếm từ 56% đến 73,9%. Tương tự như Ninh Bình, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý MT địa phương, ban QL KCN, các công ty ĐT PTCSHT&DV và một số doanh nghiệp trả lời đã có thực hiện các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT được lồng ghép trong các kế hoạch phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy, ứng phó với các sự cố hóa chất. Đa phần các đối tượng tham gia trả lời phỏng vấn đều sẵn lòng tham gia các buổi tập huấn, tăng cường năng lực cho bản thân về các SCMT&TT. Trong đó, nhóm cộng đồng dân cư quan tâm nhất đến vấn đề về hoạt động huấn luyện và diễn tập thử ứng phó và nhận diện và đánh giá rủi ro. Với nhóm chính quyền, đoàn thể địa phương, nội dung họ quan tâm nhất là việc tư vấn xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT, chính sách pháp luật và các tác động đến cộng đồng dân cư. Nhóm BQL KCN quan tâm nhiều nhất tới chính sách và pháp luật, huấn luyện và diễn tập thử, những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam. Doanh nghiệp thì lại quan tâm nhất đến một số hoạt động phòng ngừa và ứng phó với 90% trả lời, tiếp đến là nhận diện và đánh giá rủi ro; huấn luyện và diễn tập thử; chính sách và pháp luật, ... ới chính sách và pháp luật, huấn luyện và diễn tập thử, những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam. Doanh nghiệp thì lại quan tâm nhất đến một số hoạt động phòng ngừa và ứng phó với 90% trả lời, tiếp đến là nhận diện và đánh giá rủi ro; huấn luyện và diễn tập thử; chính sách và pháp luật, ...

KẾT LUẬN

Kết quả điều tra khảo sát của nhóm tư vấn tại 4 KCN lựa chọn cho thấy, cả 4 KCN Gián Khẩu, Khánh Phú (Ninh Bình), Hoà Khánh (Đà Nẵng), Trà Nóc 1&2 (Cần Thơ) đều có những tác động hiện hữu về môi trường đến các khu dân cư xung quanh về môi trường nước thải, khí thải, mùi hôi và tiếng ồn gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân. Qua việc xác định dải cách ly an toàn ở các KCN, khoanh vùng những nhóm đối tượng dân cư có nguy cơ bị tác động khi có các SCMT&TT xảy ra, đoàn tư vấn đã xác định được:

- Tại Ninh Bình, KCN Khánh Phú có nguy cơ gây tác động đến khoảng 6.283 khẩu chiếm 100% nhân khẩu của 8 thôn dân cư thuộc xã Khánh Phú nằm xung quanh KCN; KCN Gián Khẩu có khả năng ảnh hưởng tới khoảng 794 hộ chiếm 55,8% tổng số hộ thuộc xã Gia Xuân. Và khoảng 305 hộ chiếm khoảng 10,4% tổng số hộ dân trên địa bàn xã Gia Tân;
- Tại Đà Nẵng, KCN Hòa Khánh có thể gây ảnh hưởng tới khoảng 862 hộ chiếm 13,6% tổng số hộ thuộc phường Hòa Khánh Bắc và khoảng 113 hộ chiếm khoảng 2,2% tổng số hộ dân trên địa bàn phường Hòa Hiệp Nam;
- Tại Cần Thơ, nhóm tư vấn xác định có khoảng 3.402 hộ (chiếm 89,19% số hộ dân khu vực Trà Nóc) với khoảng 13.794 khẩu (chiếm 88,25% số khẩu khu vực Trà Nóc), trong đó có 7,2% dân cư gần như nằm lọt trong KCN. Cùng với đó là khoảng gần 100 hộ dân cư trong khu tái định cư thuộc phường Phước Thới và khu tái định cư nhà ở cho công nhân cũng sẽ chịu tác động;

Điều tra xã hội học bằng các mẫu phiếu điều tra cho 06 nhóm đối tượng với tổng số 223 người (trong đó nữ là 87 người, chiếm tỷ lệ 39%) đại diện cho: chính quyền và đoàn thể địa phương, ban quản lý KCN, cơ quan quản lý MT địa phương, các công ty ĐT PTCST&CCDV, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư xung quanh. Kết quả điều tra cho thấy: đa phần các đối tượng đều có biết đến các SCMT&TT có thể xảy ra khi có KCN ở địa bàn sinh sống của mình, tuy nhiên việc thực hiện các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và xử lý với sự cố mới chỉ dừng lại ở các các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với thiên tai bão lụt hàng năm ở địa phương, kế hoạch phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó với các sự cố hóa chất ở doanh nghiệp. Việc nâng cao nhận thức cho bản thân đều được số lượng lớn người trả lời phỏng vấn sẵn lòng tham gia, trong đó cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương quan tâm nhiều tới các nội dung liên quan đến nhận diện, ứng phó, tác động SCMT&TT đến cuộc sống và diễn tập phòng ngừa và ứng phó. Trong khi đó các nhóm đối tượng khác quan tâm các vấn đề về tư vấn xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó; nhận diện và đánh giá rủi ro; huấn luyện diễn tập thử và các chính sách pháp luật liên quan, v.v.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ninh Bình

1. Bản Đồ hiện trạng sử dụng đất xã Gia Xuân, năm 2014
2. Bản Đồ Địa Giới Hành Chính Xã Khánh Phú
3. Báo cáo Định Kỳ công tác BVMT 2017 – Ban Quản lý các KCN

4. Báo cáo Đánh giá hiện trạng môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và đề xuất giải pháp quản lý – 2015.
5. Kết quả công tác TN&MT năm 2017- PHNV 2018, Phòng Tài Nguyên&MT Huyện Yên Khánh
6. Tổng hợp nhanh hộ nông thôn (Xã Khánh Phú)
7. Tổng hợp số nhân khẩu xã Gia Tân 2017
8. Tổng số hộ tự nhiên của 6 thôn xã Gia Trấn (Phụ lục 6)

Đà Nẵng

9. Báo cáo công tác quản lý môi trường 2017
10. Báo cáo kinh tế xã hội – quốc phòng an ninh phường Hoà Khánh Bắc 2017
11. Báo cáo giám sát môi trường quận Liên Chiểu, đợt 1/2018
12. Báo cáo về việc triển khai công tác Phòng ngừa và ứng phó giải quyết sự cố môi trường và ứng phó giảm nhẹ Thiên tai tại KCN Hoà Khánh, - Công ty PT và Khai Thác Hạ Tầng KCN Đà Nẵng
13. Đề án Xây dựng “Liên Chiểu – quận thân thiện môi trường” giai đoạn 2017 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 Đề án Xây dựng “Liên Chiểu – quận thân thiện môi trường” giai đoạn 2017 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Cần Thơ

14. Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Cần Thơ 5 năm.
15. Báo cáo tổng hợp công tác QLMT năm 2017 tại các KCN trên địa bàn thành phố Cần Thơ
16. Danh sách các doanh nghiệp trong KCN trà nóc
17. Kết quả quan trắc khí thải giao thông, khí thải, nước và khí ở Trà Nóc 3 năm 2015-2016-2017.
18. Sơ Đồ Nền phường Trà Nóc +Số liệu hộ dân cư khu vực 2018

PHỤ LỤC A: CÁC MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

A1. PHIẾU ĐIỀU TRA

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ XUNG QUANH KCN

Mục đích của phiếu điều tra này là đánh giá được trình độ nhận thức và năng lực của cộng đồng sinh sống xung quanh các khu/cơ sở công nghiệp (KCN/DN) về nhận biết, kiểm soát các nguy cơ/rủi ro do sự cố môi trường (SCMT) và thiên tai (TT) xảy ra ở các khu/cơ sở công nghiệp (KCN/DN) cũng như ứng phó khẩn cấp khi các SCMT, TT xảy ra tại các KCN/DN.

A.Thông tin về người điền phiếu

- Họ và tên: Số điện thoại liên hệ:
(Ông/bà có thể không cần cung cấp thông tin này nếu không muốn)
- Giới tính: Nam Nữ
- Tuổi: Dưới 30 Từ 31 đến 45 Từ 46 đến 60 Trên 60
- Nghề nghiệp: Nông nghiệp Thủy sản Thủ công
 Tiểu thương Công chức, viên chức Nhân viên văn phòng
 Nội trợ Về hưu Khác:
- Nơi cư trú: xã Quận/huyện Tỉnh/T.P

B.Năng lực nhận biết và kiểm soát các nguy cơ/rủi ro do SCMT, TT xảy ra ở các KCN/DN

6. Ông/Bà có biết hoặc đã chứng kiến những loại sự cố/thiên tai nào dưới đây đã từng xảy ra ở địa phương mình trong vòng 5 năm gần đây (từ 2013 đến nay)?

Sự cố môi trường:

- Cháy nổ Rò rỉ/tràn chất thải, hoá chất, vật liệu nguy hại, vật liệu phóng xạ
 Ô nhiễm nước do sự cố công nghiệp Ô nhiễm không khí do sự cố công nghiệp
 Khác

Thiên tai:

- Động đất Trượt lở đất Bão Lụt Lốc xoáy Sóng thần Hạn hán
 Khác.....

7. Ông/bà có biết rằng chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải buộc phải thực hiện trách nhiệm pháp lý về phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, bảo vệ cộng đồng phòng tránh các rủi ro do sự cố, thiên tai xảy ra tại các KCN, cơ sở sản xuất?

- Có Không

Nếu có, xin vui lòng cho biết chủ đầu tư/sở hữu các KCN/DN cần phải thực hiện các trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường
- Lắp đặt, vận hành các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường
- Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường
- Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm kiểm soát các sự cố môi trường
- Áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật
- Có các biện pháp loại trừ các nguyên nhân gây sự cố môi trường
- Thực hiện các biện pháp khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi xảy ra sự cố
- Thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn liên quan ngay khi xảy ra SCMT, TT

Xin vui lòng cho biết tên văn bản cụ thể nếu biết:

.....
.....

Ông/bà có biết về kế hoạch hoặc chương trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của các KCN/cơ sở công nghiệp ở gần nơi mình sinh sống không?

- Có Không

Nếu có, xin cho biết về kênh thông tin ông/bà được tiếp nhận thông tin về kế hoạch/chương trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của các KCN/Cơ sở công nghiệp đó:

- Chủ đầu tư/sở hữu các KCN/DN cung cấp thông tin thông qua các tờ rơi
- Chủ đầu tư/sở hữu các KCN/DN cung cấp thông tin thông qua các buổi họp cộng đồng
- Chính quyền địa phương cung cấp thông tin thông qua các tờ rơi
- Chính quyền địa phương cung cấp thông tin thông qua các buổi họp cộng đồng
- Tiếp nhận thông tin từ các phương tiện truyền thông (TV, báo, đài)
- Tiếp nhận thông tin từ internet (các trang web, mạng xã hội)
- Tiếp nhận thông tin từ nguồn khác (xin vui lòng chỉ rõ)

.....

Nếu không, xin vui lòng cho biết ông/bà có nhu cầu được phổ biến rõ về những kế hoạch, chương trình đó không?

- Có, xin nêu rõ vì sao có nhu cầu:

.....

- Không, xin nêu rõ vì sao có nhu cầu:

.....

9. Ông/bà có biết rằng chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng của Chính phủ phải thực hiện các trách nhiệm pháp lý về phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, bảo vệ cộng đồng phòng tránh các rủi ro do sự cố, thiên tai xảy ra tại các KCN, cơ sở sản xuất?

- Có Không

Nếu có, xin vui lòng cho biết chính quyền các cấp/cơ quan chức năng của Chính phủ cần phải thực hiện các trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các trách nhiệm phòng ngừa và kiểm soát sự cố môi trường, kiểm soát rủi ro/nguy cơ xảy ra sự cố môi trường do thiên tai ở các KCN/DN
- Xây dựng các lực lượng và phương tiện ứng phó khẩn cấp, giải quyết SCMT, TT
- Xây dựng các hệ thống, trang thiết bị cảnh báo SCMT, TT
- Thông tin về các nguy cơ, rủi ro và tập huấn cho cộng đồng cách thức kiểm soát nguy cơ, rủi ro do SCMT, TT xảy ra tại các KCN/DN
- Thông tin kịp thời về SCMT, TT nhằm bảo vệ cộng đồng và giảm nhẹ thiệt hại khi xảy ra SCMM, TT
- Tổ chức các hoạt động ứng phó khẩn cấp và cung cấp các hướng dẫn, tổ chức sơ tán, bảo vệ cộng đồng khi xảy ra SCMT, TT
- Đánh giá và xác định thiệt hại do SCMT, TT và các phương án đền bù thích hợp
- Khác

10. Khi (hoặc nếu) có sự cố môi trường xảy ra tại các KCN/cơ sở công nghiệp trên địa bàn, theo ông/bà gia đình mình sẽ chịu những tác động gì sau đây và trong thời gian bao lâu?

| Loại tác động | Thời điểm bị tác động và khả năng phục hồi | | | |
|--|--|---------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| | Ngay khi SCMT, TT xảy ra | Sau khi SCMT, TT xảy ra một thời gian | Nhanh chóng phục hồi sau một tháng | Không thể phục hồi sớm |
| Nguồn thu nhập của gia đình bị ảnh hưởng do gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tài sản bị hư hại, tổn thất | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Sinh hoạt hàng ngày bị ảnh hưởng do không có nước sạch, lương thực, thực phẩm và các dịch vụ hỗ trợ khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| An toàn tính mạng bị đe dọa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Sức khoẻ bị ảnh hưởng lâu dài do ô nhiễm gây bởi sự cố môi trường, thiên tai | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Khác..... | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

11. Gia đình ông/bà có mua bảo hiểm cho tài sản, tai nạn, thương tích do rủi ro SCMT, TT?

Có

Không

Có ý định mua nhưng không biết mua ở đâu

Nếu có, xin vui lòng cho biết loại bảo hiểm gì và mức mua

.....
.....

C.Năng lực ứng phó khẩn cấp, giải quyết các SCMT, TT xảy ra ở các KCN/DN

12. Gia đình ông/bà đã từng chịu tác động, ảnh hưởng do SCMT, TT chưa?

Có

Không

Nếu có, xin vui lòng cho biết gia đình ông bà đã chịu những tác động gì, đã làm gì để hạn chế các tác động của SCMT, TT xảy ra tại địa phương và đã nhận được sự hỗ trợ như thế nào từ chính quyền, đoàn thể và các doanh nghiệp tại địa phương (mô tả ngắn gọn)?

.....
.....
.....

13. Ông/bà có biết đến kế hoạch hoặc sơ đồ sơ tán cư dân, vật nuôi và tài sản của cư dân khi xảy ra SCMT, TT ở nơi mình sinh sống không?

Có

Không

Không nghĩ rằng có tồn tại kế hoạch/sơ đồ sơ tán cho cư dân

14. Ông/bà có biết cần phải liên lạc với ai khi có SCMT, TT xảy ra không?

Có

Không

Không nghĩ rằng có tồn tại đầu mối liên lạc

Nếu có, xin vui lòng cho biết một số ý kiến đánh giá về cách thức liên lạc mà ông/bà biết trong bảng sau

| Cách liên lạc | Xin vui lòng đánh dấu ở ô tương ứng | | | |
|------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Nhanh chóng | Thuận tiện | Hiệu quả | Khó tiếp cận |
| Điện thoại | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Email | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Website | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Mạng xã hội | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Loa phát thanh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| TV hoặc đài phát thanh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Khác | | | | |

15. Ông/bà có biết cần phải liên lạc với ai để yêu cầu hỗ trợ hoặc bồi thường thiệt hại do SCMT/TT?

Có Không Không nghĩ rằng có tồn tại đầu mối liên lạc

16. Sau khi các SCMT&TT xảy ra trên địa bàn sinh sống của Ông/Bà (nếu có), những hoạt động nào dưới đây đã được thực hiện ?

| | | | | |
|---|--|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Dọn dẹp đường sá, hoá chất độc hại, vật liệu nguy hiểm và khai thông các hệ thống thoát nước | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 2 | Sửa chữa và tu bổ lại các công trình nhà cửa | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 3 | Đánh giá thiệt hại. | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 4 | Hỗ trợ, bồi thường các cá nhân và gia đình người lao động, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 5 | Truyền thông nâng cao nhận thức đề phòng dịch bệnh liên quan đến các SCMT&TT | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 6 | Tuyên truyền để phòng ngừa nguy cơ tái diễn | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |

D.Nhu cầu tăng cường năng lực và kiến nghị

17. Ông/Bà có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân và gia đình về phòng ngừa rủi ro và ứng phó với các SCMT, TT trong thời gian sắp tới không?

Có Không

Nếu có, nội dung muốn được tìm hiểu trong các hoạt động này là:

- Khái niệm cơ bản SCMT, TT do các hoạt động công nghiệp.
- Tác động của SCMT, TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư.
- Chính sách và pháp luật liên quan đến SCMT, TT.
- Cách nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT, TT
- Một số hoạt động phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó khi có SCMT, TT xảy ra.
- Duy trì thông tin liên lạc trong tình huống SCMT&TT xảy ra.
- Huấn luyện và diễn tập xử lý ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam
- Nội dung khác (đề nghị ghi rõ):

.....

18. Theo ông/bà, những hình thức tập huấn, tuyên truyền nào sau đây sẽ hiệu quả?

- Phát tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn đến từng hộ gia đình.
- Dán áp phích, pano cố định tại địa phương
- Tổ chức các buổi họp cộng đồng để phổ biến thông tin, hướng dẫn
- Tổ chức các buổi diễn tập cho cộng đồng về ứng phó khẩn cấp với SCMT, TT.
- Khác (đề nghị ghi rõ):

.....

.....

Xin vui lòng cho biết các ý kiến, kiến nghị khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

A2. PHIẾU ĐIỀU TRA

CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN VÀ ĐOÀN THỂ ĐỊA PHƯƠNG

Mục đích của phiếu điều tra này là đánh giá được khả năng nhận diện các nguy cơ và sự phối hợp để phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) từ các KCN(KCN) của các cơ quan chính quyền và đoàn thể địa phương.

| A.Thông tin chung | |
|---|---|
| Thông tin về người điền phiếu | Thông tin về đơn vị công tác |
| 1. Họ và tên: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ | Tên cơ quan: |
| 2.Tuổi: <input type="checkbox"/> Dưới 30 <input type="checkbox"/> 31-45 tuổi <input type="checkbox"/> 46-60 tuổi <input type="checkbox"/> Trên 60 | |
| 3.Vị trí công tác: | Địa chỉ: |
| 4.Nơi cư trú : | |
| 5. Số điện thoại: | |
| B.Nhận diện các nguy cơ có thể gây ra SCMT&TT | |
| 1.Theo Ông/Bà, những nguy cơ gây SCMT&TT và nguyên nhân nào dưới đây có thể xảy ra trong các hoạt động công nghiệp tại địa phương của Ông/Bà? | |
| Nguy cơ | Nguyên nhân |
| <input type="checkbox"/> Cháy nổ | <input type="checkbox"/> Chập điện <input type="checkbox"/> Nổ bình ga <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về phòng chống cháy nổ hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Nguyên nhân khác |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn hóa chất | <input type="checkbox"/> Công nhân vi phạm quy trình, biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất <input type="checkbox"/> Thiết bị và điều kiện làm việc không an toàn <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về an toàn hóa chất hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Các thùng chứa hóa chất có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt, ở mối nối, các van, ... Hệ thống cấp khí ga cho máy lạnh bị rò rỉ <input type="checkbox"/> Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài <input type="checkbox"/> Không có hoặc không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. |
| <input type="checkbox"/> Sự cố hệ thống xử lý nước thải | <input type="checkbox"/> Lượng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống xử lý gây nên sự cố chảy tràn nước thải hoặc hệ thống xử lý không hiệu quả <input type="checkbox"/> Vỡ đường ống dẫn nước thải <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bồn bể của hệ thống |
| <input type="checkbox"/> Sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và bụi | <input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý vận hành không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị rách túi lọc, hoặc hỏng quạt hút, máy bơm và máy nén khí do không bảo dưỡng thường xuyên. <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Hệ thống đường ống dẫn khí thải xử lý không kín. |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn chất thải công nghiệp. | <input type="checkbox"/> Tai nạn trong quá trình vận chuyển chất thải <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bể xử lý chất thải <input type="checkbox"/> Việc vận hành xử lý chất thải không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị tràn do quá tải hoặc lũ lụt <input type="checkbox"/> Hỏng bơm hệ thống nước rỉ rác <input type="checkbox"/> Thiếu kiểm tra định kỳ. |

| | |
|------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Thiên tai | <input type="checkbox"/> Bão/lụt gây tràn bể chứa hoá chất, tràn bể xử lý nước thải, tràn các kênh thoát nước thải, cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Lốc xoáy gây sập công trình, cuốn nguyên vật liệu/chất thải ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Sạt lở đất vào KCN hoặc các công trình lưu giữ/xử lý chất thải, gây sập công trình, cháy nổ hoặc cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư. <input type="checkbox"/> Khác |
|------------------------------------|--|

2. Nếu những SCMT&TT trên xảy ra sẽ gây ảnh hưởng như thế nào tới việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn (đề nghị nêu chi tiết các ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và cộng đồng dân cư)

.....

.....

.....

.....

C. Các giải pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT

3. Cơ quan/tổ chức của Ông/Bà có chiến lược, kế hoạch và biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT không?

Có Không Không biết

Nếu có, xin cung cấp bản copy các tài liệu này

4. Cơ quan/tổ chức của Ông/Bà đã thực hiện những hoạt động nào dưới đây để phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT?

| Hoạt động | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Không nắm rõ |
|--|--------------|----------------|--------------|
| Chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản đóng góp cho phòng ngừa với các SCMT&TT; khắc phục hậu quả của thiên tai (các dự án công trình, đầu tư) | | | |
| Khuyến khích nộp quỹ phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT; | | | |
| Lập phương án sẵn sàng ứng phó SCMT&TT; | | | |
| Tổ chức diễn tập phòng ngừa với các SCMT&TT; | | | |
| Tham gia ứng phó SCMT&TT theo sự điều động của cơ quan có thẩm quyền; | | | |
| Thống kê, đánh giá thiệt hại do SCMT&TT; | | | |

Các hoạt động khác mà cơ quan/tổ chức của Ông/Bà đã thực hiện mà chưa nêu ở trên (ghi rõ thêm dưới đây)

.....

.....

.....

5. Cơ quan/tổ chức của Ông/Bà có thực hiện (hoặc tham gia thực hiện) việc kiểm tra, giám sát quá trình phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT của các đơn vị/tổ chức có liên quan không?

Có Không Không biết

Nếu có, ai là người chịu trách nhiệm về việc này?

6. Ông/Bà đã từng gặp hoặc biết SCMT&TT nào xảy ra ở địa phương chưa?

Có Không

Nếu có, đề nghị trả lời và điền đầy đủ vào bảng dưới đây:

| Thời gian | Nguyên nhân | Mô tả sự cố/thiên tai và các thay đổi môi trường | Mô tả quá trình ứng phó với SCMT&TT | Mô tả các thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng |
|-----------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

7. Theo Ông/Bà, các SCMT&TT đã từng xảy ra (nếu có) nằm trong nhóm nào sau đây?

- Nhóm 1: Những sự cố gây tác động lớn, bền vững, ở phạm vi rộng hoặc nghiêm trọng đối với không khí, đất, nước, con người, tài sản, sinh thái, môi trường sống;
- Nhóm 2: Những sự cố gây tác động đáng kể đến môi trường, con người và tài sản
- Nhóm 3: Những sự cố gây những tác động nhỏ đến môi trường;
- Nhóm 4: Những sự cố gây tác động không đáng kể.

8. Trong trường hợp có các sự cố/thiên tai về môi trường xảy ra, cơ quan Ông/Bà đã có sự phối hợp như thế nào với cộng đồng dân cư xung quanh, cơ quan quản lý môi trường địa phương, ban quản lý KCN và các doanh nghiệp?

Cơ quan quản lý môi trường địa phương (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....

Cộng đồng dân cư (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....

Ban quản lý KCN và các doanh nghiệp (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....

D. Kiến nghị và đề xuất

9. Ông/Bà đã từng tham gia buổi tập huấn hoặc hoạt động nào liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT chưa?

- Có Không Không biết

Nếu có là hoạt động gì

.....

10. Ông/Bà có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân về nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT trong thời gian sắp tới không?

- Có Không

Nếu có, nội dung muốn được tìm hiểu trong các hoạt động này là:

- Khái niệm cơ bản SCMT&TT do các hoạt động công nghiệp.
- Tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư.
- Chính sách và pháp luật liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện, đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT.
- Duy trì thông tin liên lạc trong tình huống SCMT&TT xảy ra.
- Huấn luyện và diễn tập thử ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam
- Nội dung khác (đề nghị ghi rõ):

11. Theo Ông/Bà làm thế nào để khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan tích cực tham gia và hoạt động có hiệu quả trong việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT? Đề nghị nêu rõ cách thức thực hiện và nguồn kinh phí hỗ trợ

.....

.....

.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

A3. PHIẾU ĐIỀU TRA

CƠ QUAN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

Mục đích của phiếu điều tra này là tìm hiểu khả năng nhận diện các nguy cơ, sự phối hợp của các bên liên quan trong việc phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) có thể xảy ra và đã từng xảy ra do các hoạt động công nghiệp tại địa phương cũng như các tác động đến cuộc sống, sức khỏe của người dân và những biện pháp khắc phục đã áp dụng.

| A. Thông tin chung | |
|--|--|
| Thông tin về người điền phiếu | Thông tin về đơn vị công tác |
| 1. Họ và tên: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ | Tên cơ quan: |
| 2. Tuổi: <input type="checkbox"/> Dưới 30 <input type="checkbox"/> 31-45 tuổi <input type="checkbox"/> 46-60 tuổi <input type="checkbox"/> Trên 60 | |
| 3. Vị trí công tác: | Địa chỉ: |
| 4. Nơi cư trú: | |
| 5. Số điện thoại: | |
| B. Nhận diện các nguy cơ có thể gây ra SCMT&TT từ các KCN | |
| 5. Theo Ông/Bà, những nguy cơ gây SCMT&TT và nguyên nhân nào dưới đây có thể xảy ra từ các KCN tại địa phương của Ông/Bà? | |
| Nguy cơ | Nguyên nhân |
| <input type="checkbox"/> Cháy nổ | <input type="checkbox"/> Chập điện <input type="checkbox"/> Nổ bình ga <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về phòng chống cháy nổ hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Nguyên nhân khác |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn hóa chất | <input type="checkbox"/> Công nhân vi phạm quy trình, biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất <input type="checkbox"/> Thiết bị và điều kiện làm việc không an toàn <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về an toàn hóa chất hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Các thùng chứa hóa chất có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt, ở mối nối, các van, ... Hệ thống cấp khí ga cho máy lạnh bị rò rỉ <input type="checkbox"/> Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài <input type="checkbox"/> Không có hoặc không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. |
| <input type="checkbox"/> Sự cố hệ thống xử lý nước thải | <input type="checkbox"/> Lượng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống xử lý gây nên sự cố chảy tràn nước thải hoặc hệ thống xử lý không hiệu quả <input type="checkbox"/> Vỡ đường ống dẫn nước thải <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bồn bể của hệ thống |
| <input type="checkbox"/> Sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và bụi | <input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý vận hành không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị rách túi lọc, hoặc hỏng quạt hút, máy bơm và máy nén khí do không bảo dưỡng thường xuyên. <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Hệ thống đường ống dẫn khí thải xử lý không kín. |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn chất thải công nghiệp. | <input type="checkbox"/> Tai nạn trong quá trình vận chuyển chất thải <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bể xử lý chất thải <input type="checkbox"/> Việc vận hành xử lý chất thải không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị tràn do quá tải hoặc lũ lụt <input type="checkbox"/> Hỏng bơm hệ thống nước rửa rác <input type="checkbox"/> Thiếu kiểm tra định kỳ. |

| Nguy cơ | Nguyên nhân |
|------------------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> Thiên tai | <input type="checkbox"/> Bão/lụt gây tràn bể chứa hoá chất, tràn bể xử lý nước thải, tràn các kênh thoát nước thải, cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Lốc xoáy gây sập công trình, cuốn nguyên vật liệu/chất thải ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Sạt lở đất vào KCN hoặc các công trình lưu giữ/xử lý chất thải, gây sập công trình, cháy nổ hoặc cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư. <input type="checkbox"/> Khác. |

6. Cơ quan Ông/Bà có thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN để nhận diện các nguy cơ xảy ra SCMT&TT không?

Có Không Không biết

Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát:

.....

Tần suất giám sát:

.....

7. Theo kết quả kiểm tra giám sát, các doanh nghiệp (DN), KCN, các công ty đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cung cấp dịch vụ (ĐTPHT và CCDV) thực hiện các hoạt động phòng ngừa và ứng phó dưới đây như thế nào?

| Nội dung hoạt động | Các đối tượng | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Không nắm rõ |
|---|-----------------------|--------------|----------------|--------------|
| Lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPHT và CCDV | | | |
| Lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPHT và CCDV | | | |
| Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPHT và CCDV | | | |
| Tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPHT và CCDV | | | |
| Có trách nhiệm thực hiện, tham gia hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường. | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPHT và CCDV | | | |

8. Ông/Bà đã từng gặp hoặc biết SCMT&TT nào xảy ra tại địa phương không?

Có

Không

Nếu có, đề nghị trả lời và điền đầy đủ vào bảng dưới:

| Thời gian | Nguyên nhân | Mô tả sự cố/thiên tai và các thay đổi môi trường | Mô tả quá trình ứng phó với SCMT&TT | Mô tả các thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng |
|-----------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

9. Các SCMT&TT đã từng xảy ra nằm trong nhóm nào sau đây?

- Nhóm 1: Những sự cố gây tác động lớn, bền vững, ở phạm vi rộng hoặc nghiêm trọng đối với không khí, đất, nước, con người, tài sản, sinh thái, môi trường sống;
- Nhóm 2: Những sự cố gây tác động đáng kể đến môi trường, con người và tài sản
- Nhóm 3: Những sự cố gây những tác động nhỏ đến môi trường;
- Nhóm 4: Những sự cố gây tác động không đáng kể.

10. Trong trường hợp có các sự cố/thiên tai về môi trường xảy ra, cơ quan Ông/Bà đã có sự phối hợp như thế nào với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, ban quản lý KCN và các doanh nghiệp?

.....

.....

.....

.....

C. Các giải pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT

11. Cơ quan của Ông/Bà có thoả thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước với các bên liên quan khác ở địa phương (chính quyền, các cơ quan đoàn thể, ban quản lý KCN, doanh nghiệp) khi có các SCMT&TT xảy ra từ các KCN không?

Có

Không

Không biết

Cụ thể:

.....

.....

.....

12. Cơ quan của Ông/Bà có kế hoạch được công khai để phòng ngừa và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT có thể xảy ra tại địa phương không?

Có

Không

Không biết

Nếu không thì tại sao.

.....

13. Kế hoạch ứng phó có phân công nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của các đối tượng khi có SCMT&TT xảy ra không?

Có Không Không biết

14. Cơ quan của Ông/Bà có đội phản ứng nhanh trong các tình huống khẩn cấp khi có SCMT&TT xảy ra không?

Có Không Không biết

- Đội phản ứng nhanh có được tuyên truyền và huấn luyện về nội dung, hoạt động họ cần thực hiện khi có SCMT&TT xảy ra không?

Có Không Không biết

15. Cơ quan của Ông/Bà đã thực hiện những hoạt động nào dưới đây để khuyến khích việc phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT?

| Hoạt động | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Không nắm rõ |
|--|--------------|----------------|--------------|
| Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm vốn đầu tư cho các công trình, hoạt động phòng ngừa, kiểm soát SCMT&TT | | | |
| Khuyến khích nộp quỹ phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT; | | | |
| Lập phương án sẵn sàng ứng phó SCMT&TT; | | | |
| Tổ chức diễn tập phòng ngừa với các SCMT&TT; | | | |
| Tham gia ứng phó SCMT&TT theo sự điều động của cơ quan có thẩm quyền; | | | |
| Thống kê, đánh giá thiệt hại do SCMT&TT; | | | |

- Các hoạt động khác mà cơ quan của Ông/Bà đã thực hiện mà chưa nêu ở trên (ghi rõ thêm dưới đây)

.....

.....

.....

.....

16. Ông/Bà có thể tự đánh giá khả năng sẵn sàng ứng phó của cơ quan mình khi có các SCMT&TT có thể xảy ra trong địa bàn?

| | | | | | |
|---|---|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|
| 1 | Khả năng về nguồn nhân lực. | <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Khá | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Kém |
| 2 | Khả năng về cơ chế, tổ chức | <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Khá | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Kém |
| 3 | Khả năng về cơ sở, vật chất | <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Khá | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Kém |
| 4 | Khả năng về các đối tác và mạng lưới hỗ trợ khi có SCMT&TT xảy ra | <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Khá | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Kém |

17. Theo Ông/Bà thì những hoạt động nào dưới đây có thể hợp tác được cộng đồng dân cư xung quanh, các doanh nghiệp, ban quản lý KCN, tổ chức đoàn thể trong việc phòng ngừa, nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT?

- Tổ chức các cuộc thi, hội thảo và diễn đàn liên quan đến việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT;
- Tổ chức diễn tập phòng chống rủi ro/sự cố môi trường với các quy mô khác nhau (cụm công nghiệp, KCN, hoặc doanh nghiệp và các cộng đồng lân cận)
- Hỗ trợ phổ biến pháp luật liên quan đến việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT;
- Ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro do các SCMT&TT.
- Cung cấp trang thiết bị bảo vệ cho cộng đồng, doanh nghiệp;
- Hướng dẫn về việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT
- Ưu đãi và khuyến khích doanh nghiệp, KCN tham gia các dự án có liên quan đến SCMT&TT.
- Tham gia khắc phục hậu quả thiên tai

Khác (đề nghị nêu rõ):

.....
.....
.....

D. Kiến nghị và đề xuất

18. Những hoạt động phòng ngừa, dự báo hay ứng phó với các SCMT&TT mà cơ quan của Ông/Bà còn cảm thấy khó khăn khi thực hiện và cần hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý môi trường cấp cao hơn:

.....
.....

19. Ông/Bà có kiến nghị, đề xuất gì về việc phối hợp với các cơ quan ban ngành địa phương trong việc nhận diện/phòng tránh và xử lý khi có SCMT&TT xảy ra không?

.....
.....

20. Theo Ông/Bà làm thế nào để khuyến khích cộng đồng dân cư xung quanh, các cơ quan, đoàn thể địa phương, ban quản lý các KCN và doanh nghiệp tham gia tích cực vào các hoạt động liên quan đến phòng chống các SCMT&TT? Đề nghị nêu rõ cách thức thực hiện, nguồn kinh phí hỗ trợ, ...

.....
.....
.....

- Ý kiến khác:

.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

A4. PHIẾU ĐIỀU TRA

BAN QUẢN LÝ KCN

Mục đích của phiếu điều tra này là tìm hiểu khả năng nhận diện các nguy cơ, sự phối hợp của các bên liên quan trong việc phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) có thể xảy ra và đã từng xảy ra do các hoạt động của KCN tại địa phương và những biện pháp khắc phục đã áp dụng.

| A. Thông tin chung | |
|--|---|
| Thông tin về người điền phiếu | Thông tin về đơn vị công tác |
| 1. Họ và tên: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ | Tên cơ quan: |
| 2. Tuổi: <input type="checkbox"/> Dưới 30 <input type="checkbox"/> 31-45 tuổi <input type="checkbox"/> 46-60 tuổi <input type="checkbox"/> Trên 60 | |
| 3. Vị trí công tác: | Địa chỉ: |
| 4. Nơi cư trú: | |
| 5. Số điện thoại: | |
| Thông tin chung khác về các KCN do đơn vị quản lý | |
| 6. Thông tin về các KCN tại địa phương: | |
| - Số KCN/khu chế xuất: | |
| - Số cụm công nghiệp: | |
| - Số doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nằm ngoài các KCN/Cụm công nghiệp:..... | |
| - Tổng diện tích các KCN:..... | |
| - Vị trí địa lý của các KCN trên bản đồ địa phương: | |
| 7. Loại hình sản xuất chính trong các KCN tại địa phương: | |
| <input type="checkbox"/> Hoá chất cơ bản | <input type="checkbox"/> Phân bón |
| <input type="checkbox"/> Thuốc BVTV | <input type="checkbox"/> Ac quy |
| <input type="checkbox"/> Hoá mỹ phẩm | <input type="checkbox"/> Da giày |
| <input type="checkbox"/> Vật liệu xây dựng | <input type="checkbox"/> Chế biến thủy sản |
| <input type="checkbox"/> Sơn | <input type="checkbox"/> Chế biến thực phẩm |
| <input type="checkbox"/> Cơ khí và chế tạo kim loại | <input type="checkbox"/> Dệt may |
| <input type="checkbox"/> Chế biến gỗ | <input type="checkbox"/> Sản xuất nhựa/cao su |
| <input type="checkbox"/> Khai thác, chế biến khoáng sản | <input type="checkbox"/> Chế biến gỗ |
| <input type="checkbox"/> Năng lượng, điện tử | <input type="checkbox"/> Hoá dầu, khí |
| <input type="checkbox"/> Khác | |
| 8. Tình hình lao động làm việc trong các KCN: | |
| - Số người lao động địa phương:..... | |
| - Số người lao động ngoại tỉnh:..... | |
| - Số khu nhà ở trọ cho công nhân của KCN:..... | |
| 9. Số KCN có công trình xử lý nước thải tập trung | |
| | |
| -Số doanh nghiệp, KCN thải trực tiếp ra sông, biển: | |
| | |

10. Địa phương có bãi chôn lấp chất thải, rác thải từ các hoạt động công nghiệp không?

Có Không Khác

11. Tất cả các KCN có thực hiện xây dựng theo đúng theo quy hoạch KCN của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008/BXD không?

Có Không Không biết

B. Nhận diện các nguy cơ có thể gây ra SCMT&TT từ các KCN

12. Ông/Bà có biết văn bản pháp luật, quy định nào liên quan đến SCMT&TT không?

Có Không

Nếu có là văn bản cụ thể nào:

.....

13. Ông/Bà hãy cho biết những nguy cơ gây SCMT&TT và nguyên nhân nào dưới đây có thể xảy ra trong các doanh nghiệp thuộc KCN tại địa phương?

| Nguy cơ | Nguyên nhân |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Cháy nổ | <input type="checkbox"/> Chập điện <input type="checkbox"/> Nổ bình ga <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về phòng chống cháy nổ hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Nguyên nhân khác |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn hóa chất | <input type="checkbox"/> Công nhân vi phạm quy trình, biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất <input type="checkbox"/> Thiết bị và điều kiện làm việc không an toàn <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về an toàn hóa chất hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Các thùng chứa hóa chất có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt, ở mối nối, các van, ... Hệ thống cấp khí ga cho máy lạnh bị rò rỉ <input type="checkbox"/> Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài <input type="checkbox"/> Không có hoặc không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. |
| <input type="checkbox"/> Sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và bụi | <input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý vận hành không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị rách túi lọc, hoặc hỏng quạt hút, máy bơm và máy nén khí do không bảo dưỡng thường xuyên. <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Hệ thống đường ống dẫn khí thải xử lý không kín. |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn chất thải công nghiệp. | <input type="checkbox"/> Tai nạn trong quá trình vận chuyển chất thải <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bể xử lý chất thải <input type="checkbox"/> Việc vận hành xử lý chất thải không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị tràn do quá tải hoặc lũ lụt <input type="checkbox"/> Hỏng bơm hệ thống nước rửa rác <input type="checkbox"/> Thiếu kiểm tra định kỳ. |
| <input type="checkbox"/> Thiên tai | <input type="checkbox"/> Bão/lụt gây tràn bể chứa hoá chất, tràn bể xử lý nước thải, tràn các kênh thoát nước thải, cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Lốc xoáy gây sập công trình, cuốn nguyên vật liệu/chất thải ra ngoài khu dân cư |
| | <input type="checkbox"/> Sạt lở đất vào KCN hoặc các công trình lưu giữ/xử lý chất thải, gây sập công trình, cháy nổ hoặc cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư. <input type="checkbox"/> Khác. |

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Sự cố hệ thống xử lý nước thải | <input type="checkbox"/> Lượng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống xử lý gây nên sự cố chảy tràn nước thải hoặc hệ thống xử lý không hiệu quả <input type="checkbox"/> Vỡ đường ống dẫn nước thải <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bồn bể của hệ thống |
|---|---|

14. Cơ quan Ông/Bà có thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình môi trường tại các doanh nghiệp trong KCN để nhận diện các nguy cơ xảy ra SCMT&TT không?

Có Không Không biết

Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát

.....

Tần suất giám sát:

.....

15. Theo kết quả kiểm tra giám sát, các doanh nghiệp (DN), các KCN, các công ty đầu tư phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ (ĐTPTHT và CCDV) đã thực hiện các hoạt động phòng ngừa và ứng phó dưới đây như thế nào?

| Nội dung hoạt động | Các đối tượng | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Không nắm rõ |
|---|------------------------|--------------|----------------|--------------|
| Lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPTHT và CCDV | | | |
| Lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPTHT và CCDV | | | |
| Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPTHT và CCDV | | | |
| Tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên; | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPTHT và CCDV | | | |
| Có trách nhiệm thực hiện, tham gia hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường. | Số DN | | | |
| | Số KCN | | | |
| | Số C.Ty ĐTPTHT và CCDV | | | |

16. Ông/Bà đã từng gặp hoặc biết SCMT&TT nào xảy ra trong các KCN thuộc diện quản lý của Ban quản lý?

Có

Không

Nếu có, đề nghị trả lời và điền đầy đủ vào bảng dưới:

| Thời gian | Nguyên nhân | Mô tả sự cố/thiên tai và các thay đổi môi trường | Mô tả quá trình ứng phó với SCMT&TT | Mô tả các thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng |
|-----------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

17. Trong trường hợp có các SCMT&TT xảy ra, cơ quan Ông/Bà đã có sự phối hợp như thế nào với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và các doanh nghiệp như thế nào?

.....

.....

.....

C. Các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT

18. Cơ quan của Ông/Bà có thỏa thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước với các bên liên quan khác ở địa phương (chính quyền, các cơ quan đoàn thể, doanh nghiệp) khi có các SCMT&TT xảy ra từ các KCN không?

Có

Không

Không biết

Cụ thể:

.....

.....

19. Cơ quan của Ông/Bà có kế hoạch được công khai để phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT có thể xảy ra tại địa phương không?

Có

Không

Không biết

Nếu không thì tại sao:

.....

.....

20. Ban quản lý KCN có tổ chức các buổi diễn tập ứng phó với SCMT&TT theo phạm vi KCN, cụm công nghiệp, cộng đồng dân cư?
 Có Không Không biết

Nếu có, cụ thể là:.....

21. Ban quản lý KCN có tổ chức các buổi tập huấn và đào tạo về nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT theo phạm vi KCN, cụm công nghiệp, cộng đồng dân cư ?
 Có Không Không biết

22. Ban quản lý KCN có đội phản ứng nhanh trong các tình huống khẩn cấp khi có SCMT&TT xảy ra không?
 Có Không Không biết

Đội phản ứng nhanh có được tuyên truyền và huấn luyện về nội dung, hoạt động họ cần thực hiện khi có SCMT&TT xảy ra không?
 Có Không Không biết

23. Ban quản lý KCN có những phương thức thông báo tình hình khẩn cấp khi có SCMT&TT xảy ra đến tất cả các đối tượng có liên quan không?
 Có Không Không biết

Nếu có, đề nghị cho biết cụ thể là:

.....
.....

24. Theo Ông/Bà thì những hoạt động nào dưới đây có thể hợp tác được với các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng trong việc nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT?

- Tổ chức các cuộc thi, hội thảo và diễn đàn liên quan đến việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT
- Tổ chức diễn tập phòng chống SCMT&TT với các quy mô khác nhau (cụm công nghiệp, KCN, hoặc doanh nghiệp và các cộng đồng lân cận)
- Hỗ trợ phổ biến pháp luật liên quan đến việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT;
- Hỗ trợ liên quan đến việc lập kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT
- Hỗ trợ đánh giá thiệt hại sau SCMT&TT và các cơ chế bồi thường, bảo hiểm phù hợp
- Ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro do các SCMT&TT.
- Cung cấp trang thiết bị bảo vệ cho người lao động và doanh nghiệp;
- Hướng dẫn về việc phòng ngừa và ứng phó với SCMT&TT
- Ưu đãi và khuyến khích doanh nghiệp, KCN tham gia các dự án có liên quan đến phòng ngừa SCMT&TT.
- Tham gia khắc phục hậu quả SCMT&TT và lập báo cáo để phòng ngừa việc tái diễn các SCMT&TT
- Là cầu nối giữa cộng đồng dân cư xung quanh, các đơn vị quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trong quá trình khắc phục hậu quả, bồi thường và kiện cáo đến các vấn đề có liên quan đến SCMT&TT.
- Khác (đề nghị nêu rõ):

.....
.....

D. Kiến nghị và đề xuất

25. Ông/Bà đã từng tham gia buổi tập huấn hoặc hoạt động nào liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT chưa?

Có Không Không biết

Nếu có là hoạt động gì?

.....
.....

26. Ông/Bà có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân về nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT trong thời gian sắp tới không?

Có Không

Nếu có, các nội dung muốn được tìm hiểu trong các hoạt động này là:

- Khái niệm cơ bản SCMT&TT do các hoạt động công nghiệp.
- Tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư.
- Chính sách và pháp luật liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện, đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT.
- Duy trì thông tin liên lạc trong tình huống SCMT&TT xảy ra.
- Huấn luyện và diễn tập thử ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam
- Nội dung khác (đề nghị ghi rõ):

.....
.....

27. Theo Ông/Bà làm thế nào để khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan tích cực tham gia và hoạt động có hiệu quả trong việc nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT? Đề nghị nêu rõ cách thức thực hiện và nguồn kinh phí hỗ trợ?

.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

A5. PHIẾU ĐIỀU TRA

CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Mục đích của phiếu điều tra này là tìm hiểu khả năng nhận diện các nguy cơ, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) có thể xảy ra và đã xảy ra do các hoạt động công nghiệp tại KCN cũng như sự phối hợp của các bên liên quan trong các hoạt động này.

| A. Thông tin chung | |
|--|--|
| Thông tin về người điền phiếu | Thông tin về đơn vị công tác |
| 1. Họ và tên: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ 2. Tuổi: <input type="checkbox"/> Dưới 30 <input type="checkbox"/> 31-45 tuổi <input type="checkbox"/> 46-60 tuổi <input type="checkbox"/> Trên 60 3. Vị trí công tác: 4. Nơi cư trú : 5. Số điện thoại: | Tên cơ quan: Địa chỉ: |
| Thông tin chung về tổ chức/đơn vị | |
| 6. Loại hình sản xuất chính trong KCN mà tổ chức/đơn vị quản lý/cung cấp dịch vụ: | |
| <input type="checkbox"/> Hoá chất cơ bản <input type="checkbox"/> Phân bón <input type="checkbox"/> Thuốc BVTV <input type="checkbox"/> Sơn <input type="checkbox"/> Ac quy <input type="checkbox"/> Hoá mỹ phẩm <input type="checkbox"/> Vật liệu xây dựng <input type="checkbox"/> Chế biến thuỷ sản <input type="checkbox"/> Da giày <input type="checkbox"/> Cơ khí và chế tạo kim loại <input type="checkbox"/> Dệt may <input type="checkbox"/> Chế biến thực phẩm <input type="checkbox"/> Khai thác, chế biến khoáng sản <input type="checkbox"/> Sản xuất nhựa/cao su <input type="checkbox"/> Chế biến gỗ <input type="checkbox"/> Năng lượng, điện tử <input type="checkbox"/> Hoá dầu, khí <input type="checkbox"/> Khác | |
| 7. Tình hình lao động làm việc trong KCN: - Số người lao động địa phương:..... - Số người lao động ngoại tỉnh:..... - Số khu nhà ở trọ cho công nhân ngoại tỉnh:..... | |
| 8. Loại hình dịch vụ mà tổ chức/đơn vị cung cấp | |
| 9. Số doanh nghiệp mà tổ chức/đơn vị cung cấp dịch vụ: | |
| 10. Tổ chức/đơn vị của Ông/Bà có đầy đủ các giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật không? <div style="text-align: center;"><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không</div> Cụ thể là các loại giấy phép gì : | |
| 11. Công suất xử lý nước thải của đơn vị: | |

12. Công suất vận chuyển và/hoặc xử lý chất thải thông thường/chất thải nguy hại:

13. Khu vực thu gom, và xử lý chất thải có được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật không?

Có Không

14. Tổ chức/đơn vị của Ông/Bà có dự báo gì về nguồn phát thải và lượng phát thải các chất thải nguy hại tại các KCN trên địa bàn không?

Có Không

Nếu có, có thể nêu cụ thể:

.....

.....

B. Nhận diện các nguy cơ về SCMT&TT từ các KCN

1. Ông/Bà có biết văn bản pháp luật, quy định nào liên quan đến SCMT&TT không?

Có Không

Nếu có là văn bản cụ thể nào:

.....

.....

2. Ông/Bà hãy cho biết những nguy cơ gây SCMT&TT và nguyên nhân nào dưới đây có thể xảy ra trong các doanh nghiệp thuộc KCN mà đơn vị của Ông/Bà quản lý/cung cấp dịch vụ?

| Nguy cơ | Nguyên nhân |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> CHáy nổ | <input type="checkbox"/> Chập điện <input type="checkbox"/> Nổ bình ga <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về phòng chống cháy nổ hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Nguyên nhân khác |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn hóa chất | <input type="checkbox"/> Công nhân vi phạm quy trình, biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất <input type="checkbox"/> Thiết bị và điều kiện làm việc không an toàn <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về an toàn hóa chất hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Các thùng chứa hóa chất có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt, ở mối nối, các van, ... Hệ thống cấp khí ga cho máy lạnh bị rò rỉ <input type="checkbox"/> Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài <input type="checkbox"/> Không có hoặc không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. |
| <input type="checkbox"/> Sự cố hệ thống xử lý nước thải | <input type="checkbox"/> Lượng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống xử lý gây nên sự cố chảy tràn nước thải hoặc hệ thống xử lý không hiệu quả <input type="checkbox"/> Vỡ đường ống dẫn nước thải <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bồn bể của hệ thống |
| <input type="checkbox"/> Sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và bụi | <input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý vận hành không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị rách túi lọc, hoặc hỏng quạt hút, máy bơm và máy nén khí do không bảo dưỡng thường xuyên. <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Hệ thống đường ống dẫn khí thải xử lý không kín. |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn chất thải công nghiệp | <input type="checkbox"/> Tai nạn trong quá trình vận chuyển chất thải <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bể xử lý chất thải <input type="checkbox"/> Việc vận hành xử lý chất thải không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị tràn do quá tải hoặc lũ lụt <input type="checkbox"/> Hỏng bơm hệ thống nước rửa rác <input type="checkbox"/> Thiếu kiểm tra định kỳ |

| Nguy cơ | Nguyên nhân |
|------------------------------------|---|
| <input type="checkbox"/> Thiên tai | <input type="checkbox"/> Bão/lụt gây tràn bể chứa hoá chất, tràn bể xử lý nước thải, tràn các kênh thoát nước thải, cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Lốc xoáy gây sập công trình, cuốn nguyên vật liệu/chất thải ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Sạt lở đất vào KCN hoặc các công trình lưu giữ/xử lý chất thải, gây sập công trình, cháy nổ hoặc cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư. <input type="checkbox"/> Khác..... |

3. Ông/Bà có thấy cần thiết huy động sự tham gia của đơn vị của mình trong các hoạt động nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT không?

Có Không

Nếu không thì tại sao?

.....

Nếu có thì theo Ông/Bà, đơn vị mình có thể tham gia theo hình thức nào?

- Chủ động xây dựng kế hoạch phòng ngừa và nhận diện các SCMT&TT
- Chủ động xây dựng phương án sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT
- Hỗ trợ cộng đồng phòng ngừa và ứng phó với các sự cố/thiên tai môi
- Tham gia thực hiện các dự án phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT
- Khác

4. KCN mà đơn vị của Ông/Bà quản lý/cung cấp dịch vụ đã từng gặp SCMT&TT nào chưa?

Có Không

Nếu có, đề nghị trả lời và điền đầy đủ vào bảng dưới:

| Thời gian | Nguyên nhân | Mô tả sự cố/thiên tai và các thay đổi môi trường | Mô tả quá trình ứng phó với SCMT&TT | Mô tả các thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng |
|-----------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

5. Trong trường hợp có các SCMT&TT xảy ra, cơ quan Ông/Bà đã có sự phối hợp với cộng đồng dân cư xung quanh, chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể, ban quản lý KCN và các doanh nghiệp như thế nào?

Chính quyền địa phương (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....

Các cơ quan quản lý môi trường tại địa phương (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....

Cộng đồng dân cư (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

Doanh nghiệp trong KCN (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

Ban quản lý các KCN (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

C. Các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT

6. Đơn vị của Ông/Bà có thỏa thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước với các bên liên quan khác ở địa phương (chính quyền, cơ quan quản lý môi trường địa phương, các cơ quan đoàn thể, ban quản lý KCN, doanh nghiệp) khi có các SCMT&TT từ KCN không?

Có Không Không biết

Cụ thể:

.....
.....

7. Đơn vị của Ông/Bà đã thực hiện các hoạt động phòng ngừa và ứng phó nào dưới đây?

| Hoạt động | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Không nắm rõ |
|---|--------------|----------------|--------------|
| Lập kế hoạch nhận diện, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; | | | |
| Lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; | | | |
| Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; | | | |
| Tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên; | | | |
| Có trách nhiệm thực hiện, tham gia hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường. | | | |
| Nộp quỹ phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT; | | | |
| Đóng bảo hiểm rủi ro liên quan đến các SCMT&TT cho tổ chức/đơn vị. | | | |
| Lập phương án sẵn sàng ứng phó SCMT&TT; | | | |
| Tham gia diễn tập phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; | | | |
| Thống kê, đánh giá thiệt hại do SCMT&TT; | | | |

8. Những hoạt động phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT mà đơn vị còn gặp khó khăn và cần hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương, cơ quan quản lý môi trường: (liệt kê đầy đủ và chi tiết)

.....
.....

D. Kiến nghị và đề xuất

9. Ông/Bà đã từng tham gia buổi tập huấn hoặc hoạt động nào liên quan đến nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT chưa?

Có Không Không biết

Nếu có là hoạt động gì

.....
.....

10. Ông/Bà có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân về nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT trong thời gian sắp tới không?

Có Không

Nếu có, các nội dung muốn được tìm hiểu trong các hoạt động này là:

- Khái niệm cơ bản SCMT&TT do các hoạt động công nghiệp.
- Tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư.
- Chính sách và pháp luật liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch nhận diện đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT&TT.
- Tư vấn và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với SCMT&TT.
- Duy trì thông tin liên lạc trong tình huống SCMT&TT xảy ra.
- Huấn luyện và diễn tập xử lý ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam
- Nội dung khác (đề nghị ghi rõ):

.....
.....

Ông bà có kiến nghị nào khác không?

.....
.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

A6. PHIẾU ĐIỀU TRA

DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG KCN

Mục đích của phiếu điều tra này là đánh giá khả năng nhận diện, phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường và thiên tai (SCMT&TT) có thể xảy ra tại doanh nghiệp (DN) cũng như việc thực hiện trách nhiệm xã hội của DN.

| A. Thông tin chung | |
|---|-------------------------------------|
| Thông tin về người điền phiếu | Thông tin về đơn vị công tác |
| 1. Họ và tên: <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ | Tên cơ quan: |
| 2. Tuổi: <input type="checkbox"/> Dưới 30 <input type="checkbox"/> 31-45 tuổi <input type="checkbox"/> 46-60 tuổi <input type="checkbox"/> Trên 60 | |
| 3. Vị trí công tác: | Địa chỉ: |
| 4. Nơi cư trú : | |
| 5. Số điện thoại: | |
| Thông Tin Chung Khác | |
| Tổng số lao động trong DN: | |
| <i>DN của Ông/Bà thuộc loại độc hại cấp mấy theo phân cấp độc hại của "TCVN 4449-1987: Phân loại xí nghiệp, kho theo cấp độc hại và khoảng cách ly vệ sinh"</i> | |
| <input type="checkbox"/> Cấp I <input type="checkbox"/> Cấp II <input type="checkbox"/> Cấp III <input type="checkbox"/> Cấp IV <input type="checkbox"/> Cấp V | |
| Khoảng cách từ nhà máy đến khu dân cư gần nhất: | |
| | |
| Vị trí địa lý của DN so với các khu dân cư xung quanh (cuối hay đầu hướng gió, cuối các dòng sông, suối so với khu dân cư)? | |
| | |
| | |
| Có dải cách ly vệ sinh nào giữa nhà máy, KCN với khu vực dân cư sinh sống không? | |
| <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không biết | |
| Nếu có cụ thể là gì (bao gồm cả dải cách ly vệ sinh tự nhiên và dải cách ly được xây dựng) | |
| | |
| | |

B. Nhận diện các nguy cơ về SCMT&TT từ các KCN

1. Ông/Bà có biết văn bản pháp luật hoặc quy định nào liên quan đến SCMT&TT không?

Có Không Không biết

Nếu có là văn bản cụ thể nào.

2. Ông/Bà hãy cho biết những nguy cơ gây SCMT&TT và nguyên nhân nào dưới đây có thể xảy ra trong DN của Ông/Bà?

| Nguy cơ | Nguyên nhân |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Cháy nổ | <input type="checkbox"/> Chập điện <input type="checkbox"/> Nổ bình ga <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về phòng chống cháy nổ hoặc huấn luyện chưa đầy đủ |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ/tràn hóa chất | <input type="checkbox"/> Công nhân vi phạm quy trình, biện pháp an toàn khi sử dụng hóa chất <input type="checkbox"/> Thiết bị và điều kiện làm việc không an toàn <input type="checkbox"/> Người lao động chưa được huấn luyện về an toàn hóa chất hoặc huấn luyện chưa đầy đủ <input type="checkbox"/> Các thùng chứa hóa chất có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt, ở mối nối, các van, ... Hệ thống cấp khí ga cho máy lạnh bị rò rỉ <input type="checkbox"/> Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài <input type="checkbox"/> Không có hoặc không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. |
| <input type="checkbox"/> Sự cố hệ thống xử lý nước thải | <input type="checkbox"/> Lượng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống xử lý gây nên sự cố chảy tràn nước thải hoặc hệ thống xử lý không hiệu quả <input type="checkbox"/> Vỡ đường ống dẫn nước thải <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bồn bể của hệ thống |
| <input type="checkbox"/> Sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải và bụi | <input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý vận hành không đạt yêu cầu <input type="checkbox"/> Bị rách túi lọc, hoặc hỏng quạt hút, máy bơm và máy nén khí do không bảo dưỡng thường xuyên. <input type="checkbox"/> Các bơm nước thải bị hư hỏng <input type="checkbox"/> Hệ thống đường ống dẫn khí thải xử lý không kín. |
| <input type="checkbox"/> Rò rỉ chất thải công nghiệp. | <input type="checkbox"/> Tai nạn trong quá trình vận chuyển chất thải <input type="checkbox"/> Nứt, vỡ bể xử lý chất thải <input type="checkbox"/> Việc vận hành xử lý chất thải không đạt yêu cầu |
| <input type="checkbox"/> Thiên tai | <input type="checkbox"/> Bão/lụt gây tràn bể chứa hoá chất, tràn bể xử lý nước thải, tràn các kênh thoát nước thải, cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Lốc xoáy gây sập công trình, cuốn nguyên vật liệu/chất thải ra ngoài khu dân cư <input type="checkbox"/> Sạt lở đất vào KCN hoặc các công trình lưu giữ/xử lý chất thải, gây sập công trình, cháy nổ hoặc cuốn nguyên vật liệu/chất thải chảy ra ngoài khu dân cư. <input type="checkbox"/> Khác |

3. Bãi/kho chất thải, phế liệu của DN có được rào chắn/che chắn cẩn thận không?

Có Không Không biết

4. Chất thải nguy hại có được ký hợp đồng vận chuyển và xử lý với các công ty/tổ chức được cấp giấy phép quản lý CTNH không?

Có Không Không biết

Nếu có, là công ty/tổ chức nào:

| | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 5. Nước thải có được thu gom, xử lý sơ bộ và đổ nối với trạm xử lý tập trung? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không biết |
| 6. Các nguồn khí thải có được xử lý trước khi xả thải ra môi trường? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không biết |

C. Các giải pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó với các SCMT&TT

7. DN của Ông/Bà có thực hiện các biện pháp nào để phòng ngừa, giảm thiểu các tác hại và gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN do các SCMT&TT?

| | | | | |
|----|--|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó SCMT&TT | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 3 | Lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 4 | Cải tiến quy trình công nghệ, kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ gây ra các SCMT&TT | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 5 | Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó SCMT&TT | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 6 | Thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 7 | Có trách nhiệm thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 8 | Xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh dự phòng? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 9 | Xây dựng các công trình phòng tránh hạn chế tác động khi có SCMT&TT xảy ra. | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 10 | Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT; tập huấn, diễn tập phòng ngừa, ứng phó với các SCMT&TT theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và địa phương | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |

8. DN của Ông/Bà có thực hiện các giải pháp ứng phó nào dưới đây để đảm bảo DN, cộng đồng dân cư có khả năng bị ảnh hưởng sẽ có những hành động cụ thể, nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả nhất khi SCMT&TT xảy ra?

| | | | | |
|---|--|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Cùng với doanh nghiệp khác, phối hợp với chính quyền địa phương, ban quản lý KCN phát triển hệ thống cảnh báo sớm hoặc khai thác hệ thống cảnh báo sớm sẵn có? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 2 | Xây dựng các phương án chuẩn bị ứng phó cho các SCMT&TT có thể xảy ra? | | | |
| | - Phương án cho người lao động | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| | - Phương án di dời và bảo vệ tài sản | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| | - Duy trì thông tin liên lạc | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| | - Phương án đối với khách hàng và các nhà cung cấp. | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| | - Phương án hậu cần. | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 3 | DN Ông/Bà có thành lập các đội ứng phó khẩn cấp và tổ chức diễn tập? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 4 | DN Ông/Bà có bản đồ thoát hiểm được đặt ở vị trí dễ quan sát để thấy không? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 6 | DN Ông/Bà có điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh để tránh rủi ro do SCMT&TT gây ra? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |

| | | | | |
|---|--|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 7 | DN của Ông/Bà có thoả thuận xác định trách nhiệm và nhiệm vụ trước với các cơ quan chính quyền khác (ban quản lý KCN cũng như các cấp chính quyền xã/ phường) khi có các SCMT&TT có thể xảy ra không? Nếu có, cụ thể là | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 8 | DN Ông/Bà có tham khảo quan báo hi m đ xác đ nh và đóng b o hi m c b n c a DN nh m giúp DN ho t đ ng l i bình th ng sau SCMT&TT không? | <input type="checkbox"/> Yes | <input type="checkbox"/> No | <input type="checkbox"/> Uncertain |

9. Nếu DN Ông/Bà có nguy cơ rủi ro về hoá chất thì DN đã thực hiện xây dựng biện pháp/kế hoạch phòng ngừa và ứng phó với các sự cố hoá chất chưa?

Có Không Không biết

Nếu chưa thì lý do vì sao.

.....
.....

10. Tại DN của Ông/Bà đã từng xảy ra SCMT&TT nào chưa?

Có Không

Nếu có, đề nghị trả lời và điền đầy đủ vào bảng dưới đây:

| Thời gian | Nguyên nhân | Mô tả sự cố/thiên tai và các thay đổi môi trường | Mô tả quá trình ứng phó với SCMT&TT | Mô tả các thiệt hại cho DN và cộng đồng |
|-----------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

11. Các SCMT&TT đã từng xảy ra nằm trong nhóm nào sau đây?

- Nhóm 1: Những sự cố gây tác động lớn, bền vững, ở phạm vi rộng hoặc nghiêm trọng đối với không khí, đất, nước, con người, tài sản, sinh thái, môi trường sống;
- Nhóm 2: Những sự cố gây tác động đáng kể đến môi trường, con người và tài sản
- Nhóm 3: Những sự cố gây những tác động nhỏ đến môi trường;
- Nhóm 4: Những sự cố gây tác động không đáng kể;

12. Trong trường hợp có các SCMT&TT xảy ra, DN của Ông/Bà đã có sự phối hợp với cộng đồng dân cư xung quanh, chính quyền và cơ quan quản lý môi trường địa phương, các tổ chức đoàn thể, ban quản lý KCN như thế nào?

Chính quyền địa phương (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

Cơ quan quản lý môi trường địa phương (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

Cộng đồng dân cư (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

Ban quản lý KCN và các công ty phát triển hạ tầng và dịch vụ (trước sự cố, trong sự cố và sau sự cố):

.....
.....

| | | | | |
|---|---|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Dọn dẹp đường sá, hoá chất độc hại, vật liệu nguy hiểm và khai thông các hệ thống thoát nước | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 2 | Sửa chữa và tu bổ lại các công trình, máy móc | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 3 | Lên phương án tiếp tục SXKD sau thiên tai | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 4 | Đánh giá thiệt hại. | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 5 | Hỗ trợ, bồi thường các cá nhân và gia đình người lao động, cộng đồng dân cư sau khi SCMT&TT xảy ra? | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 6 | Truyền thông nâng cao nhận thức để phòng dịch bệnh liên quan đến các SCMT&TT | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |
| 7 | Lập báo cáo để phòng ngừa nguy cơ tái diễn | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Không chắc |

13. Sau khi các SCMT&TT xảy ra trên địa bàn KCN (hoặc DN) của Ông/Bà, DN đã tiến hành thực hiện các hoạt động nào trong số các hoạt động dưới đây?

D. Kiến nghị và đề xuất

14. Ông/bà đã từng tham gia buổi tập huấn hoặc hoạt động nào liên quan đến nhận diện và ứng phó với các SCMT&TT chưa?

Có

Không

Không biết

Nếu có là hoạt động gì và nội dung như thế nào?

.....
.....

10. Ông/Bà có sẵn lòng tham gia vào các buổi tập huấn, hội thảo, các chương trình truyền thông để tăng cường năng lực cho bản thân về nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT trong thời gian sắp tới không?

Có

Không

Nếu có, các nội dung muốn được tìm hiểu trong các hoạt động này là:

- Khái niệm cơ bản SCMT&TT do các hoạt động công nghiệp.
- Tác động của SCMT&TT đối với cuộc sống cộng đồng dân cư.
- Chính sách và pháp luật liên quan đến SCMT&TT.
- Cách nhận diện đánh giá các rủi ro liên quan đến SCMT&TT.
- Một số hoạt động phòng ngừa, ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Duy trì thông tin liên lạc trong tình huống SCMT&TT xảy ra.
- Huấn luyện và diễn tập thử ứng phó khi có SCMT&TT xảy ra.
- Những kinh nghiệm và thực tiễn tại Việt Nam
- Nội dung khác (đề nghị ghi rõ):

.....
.....

15. Ông/bà có các kiến nghị nào khác về việc nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các SCMT&TT không

.....
.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã thực hiện phiếu điều tra này!

PHỤ LỤC B: THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN HỖ TRỢ QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRA KHẢO SÁT.

B1. KCN Gián Khẩu & KCN Khánh Phú, Thành phố Ninh Bình.

1. Ban quản lý KCN và các công ty cung cấp dịch vụ và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Ban quản lý các KCN Ninh Bình (đại diện lãnh đạo và các trưởng phòng quản lý trong KCN)
- Công ty phát triển hạ tầng KCN
- Nhà máy xử lý nước thải và cấp nước sạch Thành Nam

2. Các doanh nghiệp thuộc 2 KCN Gián Khẩu và Khánh Phú: 17 doanh nghiệp tham gia điều tra khảo sát bao gồm (8 doanh nghiệp thuộc KCN Gián Khẩu và 9 doanh nghiệp thuộc KCN Khánh Phú)

- Công ty phân bón Bình Điền – Ninh Bình _KCN Gián Khẩu
- Công ty TNHH Chong Xin Việt Nam – KCN Gián Khẩu
- Nhà máy Kính Nổi Tràng An – KCN Gián Khẩu
- Công Ty TNHH Mỹ Hạnh – KCN Gián Khẩu
- Công ty TNHH MTV Đức Toàn Thắng - KCN Gián Khẩu
- Công ty TNHH Long Sơn - KCN Gián Khẩu
- Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Xuân Lâm- KCN Gián Khẩu
- Công ty cổ phần Phúc Lộc -- KCN Gián Khẩu
- Công ty TNHH may Niên Hsing Ninh Bình – KCN Khánh Phú
- Công ty TNHH Has Fashion – KCN Khánh Phú
- Công ty cổ phần Vissai Ninh Bình – KCN Khánh Phú
- Công ty cổ phần nhựa Quốc tế K'S Việt Nam – KCN Khánh Phú
- Công ty TNHH XNK Tài Anh – KCN Khánh Phú
- Công ty cổ phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam – KCN Khánh Phú
- Công ty TNHH Great Global International – KCN Khánh Phú
- Công ty TNHH Thái Bình Dương – KCN Khánh Phú

- Công ty cổ phần Bach'chambard – KCN Khánh Phú

3. Cơ quan quản lý môi trường địa phương

- Phòng tài Nguyên môi trường huyện Khánh Phú

- Phòng tài nguyên môi trường huyện Yên Khánh

4. Chính quyền và đoàn thể địa phương

50 người đại diện cho chính quyền, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, các trưởng thôn, đoàn thanh niên, đoàn thể thuộc 4 xã Gia Tân, Gia Xuân, Gia Trấn và Khánh Phú.

5. Cộng đồng

54 người dân thuộc 5 phường Gia Tân, Gia xuân, Gia Trấn và Khánh Phú

B2. KCN Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng

1. Ban quản lý KCN và các công ty cung cấp dịch vụ và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các KCN Đà Nẵng
- Công ty TNHH Môi trường một thành viên đô thị Hà Nội – Chi Nhánh Miền Trung
- Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng
- Đại diện trạm xử lý nước thải tập trung Urenco

2. Các doanh nghiệp thuộc KCN Hoà Khánh: 08 doanh nghiệp tham gia điều tra khảo sát bao gồm:

- Công ty cổ phần Dược DANAPHA
- Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ
- Công ty Cổ phần Gạch men CoCenco
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Song Long tại Đà Nẵng
- Công ty cổ phần công nghiệp hóa chất Đà Nẵng
- Công ty TNHH MTV Xi Măng Đà Nẵng
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Tuấn Việt
- Công ty TNHH Kiến trúc và Thương mại Á Châu (Nhà máy giấy và bao bì Tân Long)

3. Cơ quan quản lý môi trường địa phương

Phòng Tài Nguyên và Môi trường quận Liên Chiểu

4. Chính quyền và đoàn thể địa phương

2 Lãnh đạo UBND phường Hoà Khánh Bắc, Hoà Hiệp Nam, 10 đại diện phòng địa chính-xây dựng-môi trường, mặt trận tổ quốc, hội liên hiệp phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên 2 phường Hoà Hiệp nam và Hoà Khánh Bắc

5. Cộng đồng

13 người dân thuộc 2 phường Hoà Hiệp Nam và Hoà Khánh Bắc Quận Liên Chiểu

B3. KCN Trà Nóc 1&2, Thành phố Cần Thơ

1. Ban quản lý KCN và các công ty cung cấp dịch vụ và phát triển cơ sở hạ tầng.

- BQL các KCN và chế xuất Cần Thơ
- Công ty Cổ phần xây dựng hạ tầng KCN
- Công ty Cổ phần hạ tầng KCN Cần Thơ

2. Các doanh nghiệp thuộc KCN Trà Nóc 1&2: 10 doanh nghiệp tham gia điều tra khảo sát bao gồm:

- Công ty Bao bì Giấy Hưng Phát
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Tây
- Công ty Cổ phần đất Phương Nam
- Công ty TNHH Mappacific Việt Nam
- Công ty TNHH Labiofam Việt Nam
- Công ty Cổ phần phân bón và hóa chất Cần Thơ
- Công ty TNHH Bao bì Giấy Nam Hưng Phát
- Công ty TNHH Thép Tây Đô
- Công ty Cp Bia Sài Gòn miền Tây

3. Cơ quan quản lý môi trường địa phương

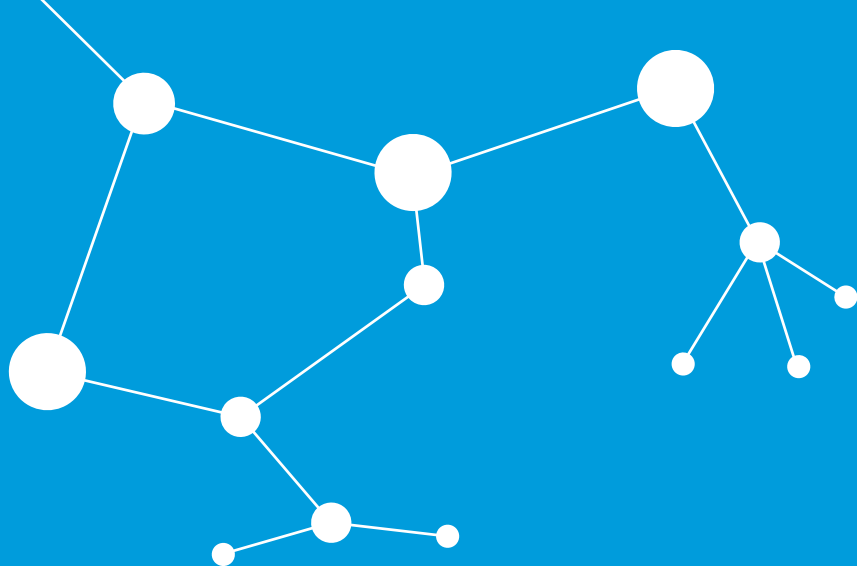
Phòng địa chính môi trường phường Phước Thới

4. Chính quyền và đoàn thể địa phương

2 Đại diện UBND phường Phước Thới và phường Trà Nóc, 10 đại diện từ các đoàn thể địa phương, hội nông dân, đoàn thanh niên...

5. Cộng đồng

23 người dân thuộc 2 phường Trà Nóc và Phường Phước Thới.





UNITED NATIONS
INDUSTRIAL DEVELOPMENT ORGANIZATION

Vienna International Centre • P.O. Box 300 • 1400 Vienna • Austria
Tel.: (+43-1) 26026-0 • E-mail: info@unido.org
www.unido.org